

PHÁP LUẬT

Khảo sát thực tiễn và nhu cầu
tham gia xây dựng pháp luật
của doanh nghiệp

Doanh nghiệp phản ánh
chính sách ngành in

Danh mục ngành nghề
và điều kiện kinh doanh

Sửa đổi Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật



PHÁP LUẬT

BẢN TIN DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG PHÁP LUẬT là ấn phẩm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

Mục **Hoạt động nổi bật** nêu những bình luận/ góp ý chính sách lớn trong một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) có tác động rất lớn tới cộng đồng doanh nghiệp và những kiến nghị để giải quyết khó khăn của doanh nghiệp

Mục **Đánh giá mức độ tiếp thu của cơ quan soạn thảo** sẽ phân tích, đánh giá mức độ tiếp thu các ý kiến góp ý của cộng đồng doanh nghiệp thông qua VCCI bằng cách đối chiếu giữa các văn bản được ban hành với bản tổng hợp ý kiến VCCI đã gửi tới cơ quan soạn thảo

Mục **Điểm tin** sẽ cung cấp các thông tin sau:

- Các dự thảo VBQPPL mà VCCI đã có ý kiến chính thức bằng công văn và những ý kiến chính
- Danh mục các dự thảo VBQPPL đang lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp
- Danh mục các dự thảo VBQPPL mà VCCI tham gia soạn thảo, thẩm định
- Sự kiện xây dựng pháp luật VCCI tổ chức hoặc phối hợp tổ chức



Sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật



12 văn bản trong nhiều lĩnh vực mà VCCI có ý kiến góp ý, từ tháng 7 đến tháng 10/2014

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT

Sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	2
Kiến nghị sửa đổi Nghị định 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 quy định về hoạt động in	8
Góp ý Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh – ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	11

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TIẾP THU CỦA CƠ QUAN SOẠN THẢO

Đánh giá ở 12 văn bản được ban hành từ tháng 7 đến tháng 10/2014 mà VCCI đã có ý kiến góp ý	13
---	----

ĐIỂM TIN

Các dự thảo VBQPPL mà VCCI đã có ý kiến chính thức bằng công văn và những ý kiến chính	16
Danh mục các dự thảo VBQPPL đang lấy ý kiến cộng đồng doanh nghiệp	34
Danh mục các dự thảo VBQPPL mà VCCI tham gia soạn thảo, thẩm định	35
Sự kiện xây dựng pháp luật VCCI tổ chức hoặc phối hợp tổ chức	35

Toàn văn các Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và tài liệu liên quan, ý kiến góp ý và bình luận, các sự kiện đã và sắp diễn ra được đăng tải tại trang web của VCCI tại địa chỉ www.vibonline.com.vn

Sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) (tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội Khóa XIII được trình xem xét với tên Luật văn bản pháp luật) được coi là “Luật của các luật”, là nền tảng pháp lý cho việc hoàn thiện quy trình xây dựng cũng như nâng cao chất lượng của hệ thống pháp luật Việt Nam.

Luật hiện hành đã quy định tương đối toàn diện về quy trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra và thông qua văn bản, Luật cũng có các quy định nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao chất lượng VBQPPL, tăng cường công khai, minh bạch, dễ tiếp cận và có tính khả thi cao hơn.

Tuy nhiên, Luật đã bộc lộ nhiều bất cập, trong đó quy định về bảo đảm dân chủ trong quá trình xây dựng, thi hành VBQPPL còn hạn chế, việc tham gia đóng góp ý kiến, phản biện xã hội còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, làm giảm hiệu quả của việc huy động trí tuệ của doanh nghiệp, chuyên gia, người dân trong quá trình xây dựng pháp luật, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của hệ thống pháp luật và hiệu quả thực thi pháp luật. Vì tầm ảnh hưởng quan trọng của Luật này, VCCI đã chủ động tham gia hoàn thiện bằng nhiều cách thức khác nhau:

- Tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập;
- Khảo sát thực tiễn và nhu cầu tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của doanh nghiệp;



“Luật văn bản pháp luật được coi là “Luật của các luật” nhưng đã bộc lộ nhiều bất cập, trong đó quy định về bảo đảm dân chủ trong quá trình xây dựng, thi hành VBQPPL còn hạn chế”

- Đánh giá các quy định pháp luật về sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng chính sách, pháp luật;
- Phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo (Bộ Tư pháp) tổ chức lấy ý kiến rộng rãi cộng đồng doanh nghiệp bằng nhiều hình thức: hội thảo, lấy ý kiến bằng văn bản, trên website www.vibonline.com.vn;
- Tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định do Bộ Tư pháp chủ trì;
- Tham gia họp thẩm tra do Ủy ban Pháp luật của Quốc hội chủ trì;
- Tham gia một số đề tài liên quan.

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TIỄN VÀ NHU CẦU THAM GIA XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP, ĐẶC BIỆT LÀ CÁC DOANH NGHIỆP VỪA, NHỎ VÀ SIÊU NHỎ

Để nắm bắt được thực trạng tham gia hoạt động xây dựng pháp luật của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ đồng thời nhận biết được nhu cầu của các đối tượng này, qua đó đưa ra những kiến nghị tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xây dựng cơ chế tham vấn hiệu quả, VCCI đã tiến hành khảo sát “thực tiễn và nhu cầu tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ”.

Đối tượng mà VCCI hướng tới là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, theo tiêu chí của Nghị định 56/2009/NĐ-CP của Chính phủ. Sở dĩ VCCI lựa chọn đối tượng này bởi vì, đây là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương đối với bất kỳ chính sách pháp luật nào, nhất là các chính sách quản lý theo hướng chặt chẽ, áp đặt điều kiện kinh doanh. Hơn nữa, đây là nhóm doanh nghiệp khá đông đảo trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam hiện nay (chiếm tới hơn 90%) và đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng lao động cũng như đóng góp vào GDP của cả nước. Do vậy, việc tham gia của doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ vào quy trình xây dựng VBQPPL là hết sức quan trọng, có tính quyết định đến tính khả thi, hiệu quả của các chính sách.

VCCI chỉ khảo sát doanh nghiệp trong 3 nhóm nội dung:

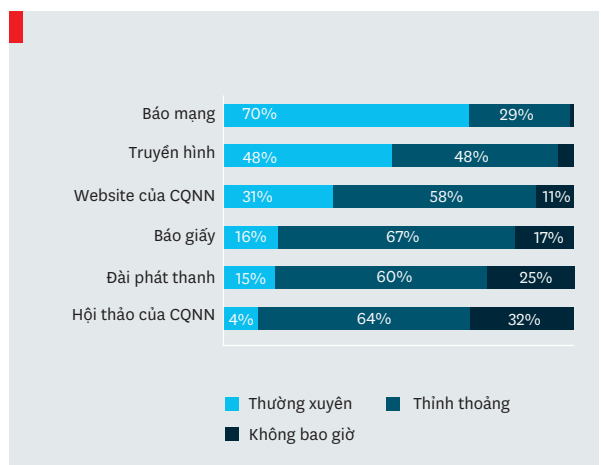
- **Tiếp cận thông tin:** các câu hỏi để nhận biết về thực trạng tiếp cận thông tin pháp luật của các doanh nghiệp (hình thức, thời điểm);
- **Tham gia góp ý:** các câu hỏi để nhận biết về thực trạng tham gia vào quy trình xây dựng văn bản pháp luật của các doanh nghiệp;
- **Mong muốn, nguyện vọng:** các câu hỏi để nhận biết các khó khăn, vướng mắc và các mong muốn của doanh nghiệp khi tham gia vào quy trình xây dựng văn bản pháp luật.

VCCI lựa chọn ngẫu nhiên khoảng 1000 doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc, không giới hạn về lĩnh vực, ngành nghề và đã nhận được 212 phiếu phản hồi, chiếm tỷ lệ là 21,2%. Các doanh nghiệp phản hồi khá đa dạng về quy mô lao động, quy mô vốn cũng như hoạt động trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau. Có thể xem, các ý kiến mà VCCI thu nhận được có tính đại diện cho tiếng nói của nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Kết quả của khảo sát cho thấy

TIẾP CẬN THÔNG TIN

Nguồn thông tin về VBQPPL mà các doanh nghiệp tiếp cận nhiều nhất vẫn ở Báo mạng, truyền hình, website của cơ quan nhà nước. Điều này cũng phù hợp với xu thế phát triển công nghệ thông tin và việc sử dụng phổ biến internet hiện nay. Kết quả này cũng đưa đến tín hiệu đáng mừng về sự hiệu quả hoạt động công khai thông tin pháp luật của các cơ quan nhà nước qua website cũng như đưa đến “gợi ý” cho các cơ quan soạn thảo văn bản trong việc lấy ý kiến góp ý hay cung cấp thông tin pháp luật cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ: đó là thông qua internet (đăng tải lên website và gửi công văn lấy ý kiến qua email).

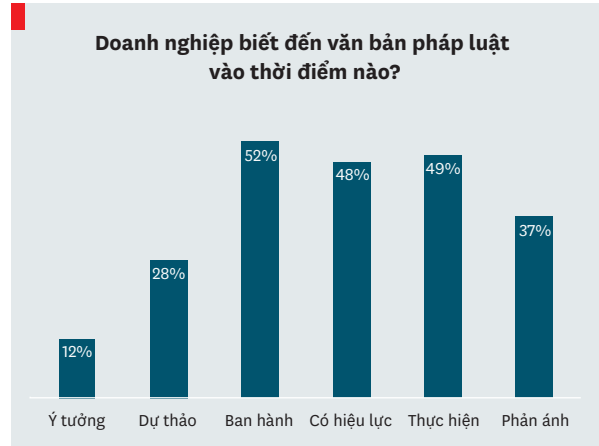


Tuy nhiên, khi VCCI khảo sát về thời điểm tiếp cận thông tin dựa vào vòng đời của một văn bản pháp luật:



Thì kết quả đưa đến lại khá bất ngờ, khi một tỷ lệ rất nhỏ các doanh nghiệp biết đến các văn bản pháp luật ở dạng ý tưởng cũng như ở dạng dự thảo.

Điều này cho thấy, dường như quy trình xây dựng VBQPPL mà các Bộ đang tiến hành là chưa minh bạch, khi một tỷ lệ rất lớn các doanh nghiệp chỉ biết đến văn bản khi đã được ban hành, có hiệu lực, và triển khai trên thực tế. Đây cũng là thông tin mà cơ quan nhà nước phải nhìn nhận lại về tính hiệu quả và thực chất của quy trình tham vấn ý kiến của công chúng hiện tại.



THAM GIA VÀO QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra thực trạng cũng như mong muốn của các doanh nghiệp trong việc tham gia vào quy định xây dựng văn bản pháp luật, đó là:

- Phương thức lấy ý kiến hiệu quả nhất: gửi email/fax, gửi công văn là hai phương thức được lựa chọn nhiều nhất. Điều này cũng phù hợp trong bối cảnh phát triển công nghệ thông tin và ứng dụng internet hiện nay. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy các phương thức như: mời họp ban soạn thảo, tổ biên tập; mời tham dự Hội thảo, tọa đàm; qua website – những phương thức mà Bộ thường lý giải về tính công khai, minh bạch trong việc lấy ý kiến, được rất ít doanh nghiệp biết đến. Đây cũng là cơ hội để nhìn nhận lại các cách thức lấy ý kiến hiện tại và đánh giá tính hiệu quả của nó;
- Sự phân biệt đối xử trong việc lấy ý kiến và giải trình: Kết quả khảo sát chỉ ra rằng,

dường như có sự phân biệt đối xử trong việc lấy ý kiến và giải trình giữa các doanh nghiệp có quy mô vốn khác nhau khi cơ quan nhà nước tiến hành lấy ý kiến doanh nghiệp. Cụ thể, Bộ thường có xu hướng chỉ lấy ý kiến một số đối tượng nhất định, có sẵn mà không mở rộng ra các đối tượng khác, điều này dẫn đến cơ hội để nhiều doanh nghiệp biết đến dự thảo là không có. Và khi giải trình các ý kiến tiếp thu hay không tiếp thu thì các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn đều không cho rằng đây là một trở ngại hay là sự quan tâm của họ, điều này có thể đưa đến câu hỏi, phải chăng các cơ quan nhà nước thường giải trình và công khai nó với các doanh nghiệp lớn hơn là các doanh nghiệp bé?

- Những trở ngại khi tham gia góp ý của các doanh nghiệp: Các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ có phản hồi cho biết: thiếu thông tin về dự thảo, thời gian góp ý ngắn, thiếu phúc

đáp giải trình là một trong những trở ngại lớn khiến cho họ ngần ngại và/hoặc gặp khó khăn khi tham gia vào quy trình góp ý xây dựng văn bản pháp luật. Đây gần như cũng là thực tế chung hiện nay đối với tất cả các đối tượng góp ý khác, không chỉ đối với các doanh nghiệp. Và đây cũng là thực trạng mà các đối tượng chịu sự tác động muốn cơ quan nhà nước được biết nếu các cơ quan này muốn xây dựng một quy trình tham vấn hiệu quả và thực chất hơn;

- Hiệp hội – kênh quan trọng kết nối giữa doanh nghiệp và cơ quan nhà nước: Kết quả khảo sát cũng cho thấy việc tham gia vào một tổ chức đại diện, doanh nghiệp sẽ giảm thiểu được các khó khăn về tiếp cận thông tin (họ sẽ có thêm một kênh cung cấp thông tin và sẽ biết được các văn bản pháp luật ở giai đoạn sớm hơn) và một tỷ lệ lớn các doanh nghiệp tin tưởng việc góp ý thông qua kênh hiệp hội, VCCI.



“Phương thức lấy ý kiến gửi email/fax, gửi công văn là hai phương thức được lựa chọn nhiều nhất”

KIẾN NGHỊ

Qua những kết quả thu nhận được từ khảo sát, VCCI đưa ra các kiến nghị để quy trình xây dựng văn bản pháp luật thực chất và hiệu quả hơn, đó là:

- Xác định chính xác đối tượng cần tham vấn: Có đến hơn 80% doanh nghiệp sẽ tham gia đóng góp ý kiến, ít nhất ở phương diện nếu các quy định gây trở ngại cho hoạt động của họ. Như vậy, có thể thấy doanh nghiệp rất mong muốn đóng góp ý kiến, vấn đề là cơ quan nhà nước có tìm đến họ hay không?
- Tuyên truyền rộng rãi các dự thảo văn bản pháp luật: Dự thảo văn bản cần được tuyên truyền rộng rãi hơn được doanh nghiệp đánh giá là lý do quan trọng nhất để thu hút doanh nghiệp tham gia vào việc góp ý xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, không chỉ xem việc đăng tải dự thảo lên website đã là tuyên truyền, công khai dự thảo mà nên có động thái nào đó (chẳng hạn như gửi email thông báo, hoặc đăng lên các trang báo mạng) để các đối tượng lấy ý kiến nhận biết được thông tin;
- Tận dụng internet trong việc lấy ý kiến: Đây cũng là xu thế phát triển trong tương lai và đã được khẳng định là hiệu quả trong kết quả khảo sát mà VCCI thu nhận;
- Thiết lập kênh lấy ý kiến qua tổ chức đại diện: Trở thành thành viên của các tổ chức đại diện tạo điều kiện rất tốt cho các doanh nghiệp khi tham gia xây dựng pháp luật và bản thân các doanh nghiệp cũng đánh giá cao vai trò của các hiệp hội mà mình tham gia. Mặt khác, việc lấy ý kiến doanh nghiệp thông qua hiệp hội giúp cho cơ quan nhà nước giảm thiểu rất nhiều chi phí và thời gian lấy ý kiến các đối tượng chịu tác động đối với văn bản pháp luật mà mình soạn thảo và đây cũng là kênh được sử dụng thường xuyên trong thời gian tới. Tuy nhiên bản thân Hiệp hội cũng phải nỗ lực và tự hoàn thiện để hoàn thành vai trò cầu nối của mình. Và Nhà nước cũng cần có cơ chế để đảm bảo tốt cho hiệp hội hoạt động.

GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (DỰ THẢO THÁNG 8/2014)

Qua quá trình nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội, chuyên gia, VCCI tổng hợp và gửi tới Ủy ban Pháp luật của Quốc hội và Bộ Tư pháp, sau đây là trích dẫn một số ý kiến cơ bản¹ về sự tham gia của người dân/ doanh nghiệp/ hiệp hội vào quá trình xây dựng chính sách, pháp luật:

Quy trình soạn thảo, ban hành VBQPPL

Bước đột phá trong Dự luật so với quy định hiện hành là việc phân tách quy trình xây dựng VBQPPL thành hai giai đoạn: giai đoạn xây dựng chính sách và giai đoạn soạn thảo VBQPPL trên cơ sở các chính sách đã được thông qua. Điều này là hợp lý, bởi sẽ làm cho quy trình làm luật của nước ta trở nên chuyên nghiệp, đỡ tốn kém và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, các quy định tại Dự luật còn chưa thể hiện rõ ràng về hai giai đoạn này, đặc biệt là giai đoạn xây dựng và thông qua chính sách. Do vậy, VCCI kiến nghị cần phải xây dựng thể hiện rõ về quy trình này.

Vai trò của tổ chức đại diện doanh nghiệp trong xây dựng và thi hành VBQPPL

Một trong những điểm mới quan trọng của Dự luật là quy định trực tiếp về vai trò và sự tham gia của tổ chức đại diện cộng đồng doanh nghiệp – VCCI, trong quá trình xây dựng và thi hành VBQPPL theo đó, VCCI “chủ trì tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp”. Quy định cho thấy Ban soạn thảo đã đánh giá và nhìn nhận tầm quan trọng của các VBQPPL liên quan đến doanh nghiệp, rộng hơn là phát triển kinh tế, trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó, Dự luật cũng đã ghi nhận vai trò tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp – thông qua tổ chức đại diện là VCCI trong quy trình hoạch định chính sách, qua đó gắn trách nhiệm cho các cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc tham vấn các đối tượng này khi xây dựng VBQPPL.

VCCI đánh giá cao và hoan nghênh quy định mới này, tuy nhiên cũng đưa ra đề xuất, cần xây dựng cơ chế rõ ràng hơn để đảm bảo cho việc thực hiện trách nhiệm này của VCCI có hiệu quả như:

- Cần quy định trách nhiệm của cơ quan tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm lấy ý kiến VCCI đối với các chính sách liên quan đến doanh nghiệp, bởi vì đây là giai đoạn quan trọng, nếu cộng đồng doanh nghiệp không được tham gia vào giai đoạn này thì những ý kiến tham gia ở giai đoạn sau cũng ít ý nghĩa khi mọi quyết sách đã được thông qua ở giai đoạn hoạch định chính sách;
- Cần quy định rõ ràng về thời điểm các cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến VCCI để tránh việc trùng lặp trong lấy ý kiến và tính hiệu quả trong việc tham vấn đối tượng chịu sự tác động;
- Cần ghi nhận vai trò của đại diện doanh nghiệp địa phương là các hiệp hội doanh nghiệp trong quy trình xây dựng VBQPPL cấp địa phương.

Giải quyết những bất cập trong quy trình xây dựng VBQPPL

Quy trình xây dựng VBQPPL qua các năm được cải tiến rất nhiều theo hướng minh bạch hơn. Thực tế, trong thời gian qua, việc xây dựng các VBQPPL đã được các cơ quan chủ trì soạn thảo chú trọng, quy trình tham vấn đã quan tâm nhiều hơn đến các đối tượng chịu sự tác động. Tuy nhiên, bên cạnh những nỗ lực đáng ghi nhận trên thì quy trình xây dựng VBQPPL vẫn bị các doanh nghiệp đánh giá là còn hình thức, thiếu thực chất. Rất nhiều VBQPPL được ban hành chất lượng còn hạn chế, điều này xuất

⁵ Ý kiến đầy đủ xin vui lòng xem tại <http://vibonline.com.vn/Forum/TopicDetail.aspx?TopicID=5434>

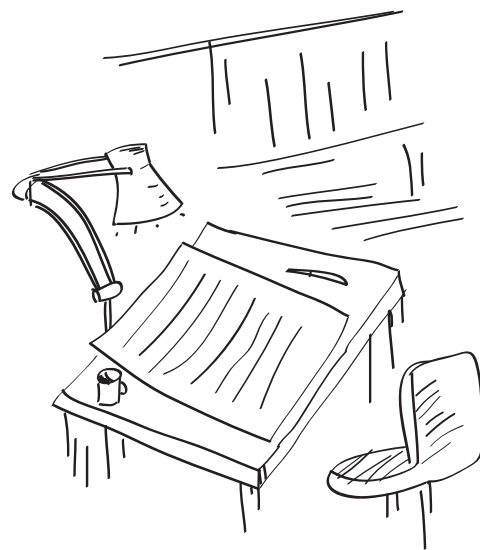
phát từ sự thiếu minh bạch trong quy trình tham vấn các đối tượng chịu sự tác động, đặc biệt trong khâu công khai Dự thảo lấy ý kiến, trong việc giải trình tiếp thu/không tiếp thu các ý kiến đóng góp.

Các quy định tại Dự thảo vẫn chưa giải quyết được những bất cập thực tế, do đó VCCI đề xuất sửa đổi bổ sung các quy định để giải quyết các vấn đề trên, chẳng hạn:

- Cần phải lấy ý kiến đối với Báo cáo đánh giá tác động của dự án luật, pháp luật để đảm bảo tính thuyết phục và phù hợp của các chính sách dự kiến ban hành;
- Cần phải đảm bảo Dự thảo VBQPPL đưa ra lấy ý kiến là Dự thảo cuối cùng trước khi ký ban hành, tránh trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ công khai một phiên bản Dự thảo sau đó chỉnh sửa, thay đổi rất nhiều nhưng các đối tượng được lấy ý kiến trước đó hoàn toàn không biết, điều này sẽ khiến cho việc lấy ý kiến trở thành hình thức;
- Các thông tin cung cấp khi lấy ý kiến không nên chỉ giới hạn ở Dự thảo mà nên còn các thông tin khác như Tờ trình, thuyết minh, kinh nghiệm nghiên cứu của các nước, báo cáo đánh giá tác động (nếu có) vì đây là các nguồn thông tin quan trọng giúp cho các đối tượng đóng góp ý kiến có đầy đủ thông tin để đưa ra được các góp ý có chất lượng;
- Cần quy định rõ các trường hợp được phép xây dựng, ban hành VBQPPL theo trình tự, rút gọn để đảm bảo quy trình xây dựng VBQPPL luôn theo một quy trình minh bạch và tránh hiện tượng các cơ quan soạn thảo áp dụng “thường xuyên” quy trình này;
- Cần quy định rõ các VBQPPL không được phép quy định về hiệu lực trở về trước hoặc nếu có trường hợp ngoại lệ thì cần quy định cụ thể các ngoại lệ theo hướng có lợi cho đối tượng áp dụng;
- Cần giới hạn quyền lập pháp của các Bộ bởi hiện nay rất việc xây dựng, ban hành VBQPPL ở cấp Bộ khá nhiều và rất nhiều quy định trong các dạng văn bản này chứa

đựng các điều khoản cản trở một cách bất hợp lý đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong khi quy trình để xây dựng các văn bản này lỏng lẻo, không được kiểm soát chặt chẽ như cấp Nghị định trở lên;

- Cần quy định về trách nhiệm bồi thường Nhà nước đối với các cơ quan soạn thảo khi ban hành các VBQPPL chậm, trái pháp luật gây thiệt hại cho doanh nghiệp và người dân, để nâng cao trách nhiệm của các cơ quan soạn thảo cũng như chất lượng của VBQPPL khi được ban hành;
- Cần thiết lập một đầu mối thông tin về các chính sách/VBQPPL đang được soạn thảo lấy ý kiến để tạo thuận lợi cho đối tượng được lấy ý kiến;
- Cần thiết lập một đầu mối tiếp nhận sáng kiến pháp luật của người dân.



“Dự luật quy định trực tiếp về vai trò và sự tham gia của tổ chức đại diện cộng đồng doanh nghiệp – VCCI, trong quá trình xây dựng và thi hành VBQPPL”

I KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH TRONG NGÀNH IN

Nghị định số 60/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động in (sau đây gọi tắt là Nghị định 60) được ký ban hành ngày 19/06/2014 và sẽ có hiệu lực vào ngày 01/11/2014. Các chính sách quản lý đối với hoạt động in theo Nghị định này có những thay đổi rất lớn so với quy định hiện hành, theo hướng quản lý chặt chẽ hơn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành in, ví dụ như: trở lại hình thức quản lý bằng cấp phép đối với hoạt động các cơ sở in; hoạt động nhập khẩu thiết bị in; áp đặt thêm một số thủ tục hành chính mà doanh nghiệp có hoạt động in phải thực hiện...

Các chính sách quản lý hoạt động in mới trong Nghị định 60 dự báo sẽ tác động lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động in cũng như các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu thiết bị in, thậm chí là cả ngành in. Do đó, ngày 08/10/2014 vừa qua, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã phối hợp với Hiệp hội In Việt Nam tổ chức Hội thảo “Doanh nghiệp đóng góp hoàn thiện Chính sách đối với hoạt động in” để tạo diễn đàn cho các doanh nghiệp – đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định 60, phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đưa ra các kiến nghị.

Hội thảo đã thu hút được đông đảo các doanh nghiệp trong ngành in đến tham dự và tiếp nhận được rất nhiều ý kiến có chất lượng. Và đây được xem là tiếng nói từ cộng đồng doanh nghiệp in đối với các chính sách ngành sắp được áp dụng. Các ý kiến tập trung phản ánh những vấn đề sau:

Hình thức quản lý đối với hoạt động in theo quy định tại Nghị định 60 chặt chẽ quá mức cần thiết

So với quy định hiện hành (Nghị định 105/2007/NĐ-CP) thì các hình thức quản lý đối với hoạt động in trong Nghị định 60 chặt chẽ hơn rất nhiều, đó là:

- Mở rộng hoạt động in phải được cấp phép;
- Hoạt động nhập khẩu thiết bị in phải có giấy phép.

Việc áp đặt giấy phép nhập khẩu đối với thiết bị in là bất hợp lý, bởi:

- Không rõ về mục tiêu quản lý nhà nước;
- Gia tăng thủ tục hành chính gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp;
- Việc quản lý nhập khẩu thiết bị in bằng hình thức giấy phép là quá mức cần thiết trong khi các thiết bị này chỉ là những hàng hóa thông thường, việc sử dụng không tác động đến các lợi ích công cộng.

Một số quy định tại Nghị định có tính chất can thiệp hành chính vào yếu tố thị trường

- Yêu cầu điều kiện của người đứng đầu cơ sở in phải có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in. Thực tế, các cơ sở in hiện nay vẫn hoạt động tốt trong khi những người đứng đầu không có các bằng cấp mà theo Nghị định yêu cầu. Mặt khác, hiện nay những người quản lý doanh nghiệp có thể được thuê nên tự bản thân các doanh nghiệp phải đánh giá trình độ của những người này vì tính hiệu quả trong hoạt động của doanh nghiệp. Hơn nữa, hiện nay nguồn cung cấp người có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in có nguy cơ là không có khi cả nước chỉ có 2 trường đào tạo, 1 trường đã đóng cửa và 1 trường hoạt động cầm chừng.
- Yêu cầu cơ sở in “không hợp tác với cơ sở in khác để thực hiện chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm do mình nhận hợp tác”, “thực hiện đúng số lượng sản phẩm in ghi trong hợp đồng” là sự can thiệp một cách bất hợp lý vào hoạt động sản xuất, kinh doanh



“Việc áp đặt giấy phép nhập khẩu đối với thiết bị in là bất hợp lý, do không rõ về mục tiêu quản lý nhà nước; gia tăng thủ tục hành chính gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp; việc quản lý nhập khẩu thiết bị in bằng hình thức giấy phép là quá mức cần thiết.”

của doanh nghiệp bởi hoạt động này không gây ảnh hưởng đến các lợi ích công cộng và là hoạt động thường xuyên, từ trước đến nay của doanh nghiệp, việc kiểm soát sẽ rất khó khả thi vì nhà nước không đủ nguồn lực.

Một số quy định tại Nghị định 60 có tính chất gia tăng thủ tục hành chính một cách bất hợp lý, gây khó khăn cho doanh nghiệp

Nghị định 60 bổ sung rất nhiều thủ tục hành chính mới và phần lớn các thủ tục này là ít ý nghĩa, gây khó khăn cho doanh nghiệp và là “cơ hội” cho tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền từ phía các cán bộ thực hiện thủ tục, chẳng hạn như:

- Thủ tục đăng ký hoạt động cơ sở in: thủ tục này được thiết kế đơn giản nhưng rất dễ biến tướng thành thủ tục xin – cho, cấp phép, bởi vì theo Nghị định 60 thì vẫn có trường hợp các cơ sở in bị từ chối/không được xác nhận đăng ký. Mặt khác, mục tiêu và ý nghĩa của thủ tục này là không rõ ràng,

vì nếu chỉ là việc thu thập thông tin để nhận biết doanh nghiệp nào có hoạt động liên quan đến in ấn thì cơ quan nhà nước có thể thu thập qua cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế;

- Ghi chép thông tin: Việc yêu cầu cơ sở in ghi chép quá nhiều thông tin như Chứng minh nhân dân, ngày và nơi cấp, địa chỉ thường trú, khổ, số trang, số lượng, hợp đồng số, hóa đơn giao hàng, ngày giao hàng... sẽ tạo gánh nặng về thủ tục giấy tờ cũng như mất rất nhiều thời gian của doanh nghiệp;
- Lưu giữ hồ sơ, giấy tờ: Nghị định 60 và Dự thảo Thông tư đang soạn thảo yêu cầu cơ sở in lưu giữ rất nhiều hồ sơ, tài liệu ví dụ như: bản mẫu của sản phẩm, các giấy tờ liên quan đến sản phẩm in mà người đặt in phải cung cấp... Đối với các cơ sở in có nhiều đơn hàng, hợp đồng lớn trong tháng, năm thì với số lượng hồ sơ phải lưu trữ như quy định thì sẽ là một trở ngại không nhỏ, gây tốn kém về chi phí cũng như thời gian thực hiện.

Hình thức quản lý đối với cơ sở photocopy trong Nghị định 60 là quá mức cần thiết

Khai báo hoạt động cơ sở photocopy:

Theo quy định tại Nghị định 60 thì cơ sở dịch vụ photocopy phải thực hiện khai báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đây là thủ tục hoàn toàn mới so với quy định tại Nghị định 105/2007/NĐ-CP và dự báo sẽ tác động đáng kể tới hàng vạn cơ sở dịch vụ photocopy trong cả nước. Đối tượng chủ yếu cung cấp dịch vụ photocopy chủ yếu là các hộ kinh doanh cá thể, thực hiện việc đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc yêu cầu các cơ sở này phải thực hiện thêm một thủ tục khai báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện sẽ làm gia tăng thêm thủ tục hành chính, trong khi không rõ mục tiêu quản lý nhà nước thông qua việc thu thập thông tin này? Và hoạt động này có cần thiết phải kiểm soát tương ứng như cơ sở in không trong khi tính chất của hai hoạt động là khác nhau?

Về việc sử dụng máy photocopy màu:

Nghị định 60 quy định “Máy photocopy màu chỉ được sử dụng phục vụ công việc nội bộ của cơ quan, tổ chức, không được sử dụng để kinh doanh dưới mọi hình thức” sẽ tác động đáng kể đến các cơ sở dịch vụ photocopy, chẳng hạn như:

- Một số cửa hàng photocopy phải đóng cửa, người lao động mất việc làm và kèm theo các khó khăn khác trong cuộc sống nếu như không được sử dụng máy photocopy màu. Không rõ cơ quan nhà nước đã tính tới hậu quả này chưa?
- Những máy photocopy màu của các đối tượng không được phép sử dụng sẽ được giải quyết như thế nào? Tiêu hủy? Chuyển nhượng? Quyền lợi hợp pháp của các cơ sở này được giải quyết như thế nào trong khi Luật đầu tư đã quy định rõ, khi có sự thay đổi của pháp luật mà gây thiệt hại cho nhà đầu tư thì Nhà nước phải có biện pháp hỗ trợ hoặc bồi thường. Nghị định 60 không có bất kỳ quy định nào được hướng dẫn để giải quyết cho trường hợp này.

Một vấn đề cần đặt ra, tại sao lại kiểm soát quá chặt chẽ việc sử dụng máy photocopy màu, thậm chí là còn hơn cả thiết bị in, trong khi đây là loại máy móc được sử dụng thông thường trong suốt thời gian qua và chưa nhận được phản ánh nào về những bất cập, gây tổn hại đến những lợi ích công cộng nào từ việc sử dụng loại máy này, để buộc phải xiết chặt quy định.

Trong bối cảnh Chính phủ đang có những nỗ lực mạnh mẽ về cải cách thủ tục hành chính, bãi bỏ các giấy phép không hợp lý, không cần thiết, đơn giản hoá các điều kiện kinh doanh, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thì các chính sách quản lý hoạt động in quy định tại Nghị định 60 theo đánh giá của nhiều doanh nghiệp dường như đang đi ngược lại tinh thần trên.



“Các chính sách quản lý hoạt động in quy định tại Nghị định 60 theo đánh giá của nhiều doanh nghiệp dường như đang đi ngược lại tinh thần trên cải cách thủ tục hành chính, bãi bỏ các giấy phép không hợp lý, không cần thiết, đơn giản hoá các điều kiện kinh doanh, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.”

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ CẤM ĐẦU TƯ KINH DOANH – NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

VCCI hoan nghênh kết quả rà soát và các nỗ lực nhằm thống nhất, minh bạch hóa các Danh mục cấm và Danh mục có điều kiện, từ đó hiện thực hóa một trong những cải cách nổi bật nhất của Dự thảo Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư (sửa đổi).

Để các Danh mục này đáp ứng được kỳ vọng và thực sự góp phần minh bạch hóa môi trường đầu tư kinh doanh cũng như hiện thực hóa nguyên tắc về quyền tự do kinh doanh, nhiều vấn đề cần được cân nhắc và điều chỉnh:

Về các ngành nghề cấm/có điều kiện đã được lược bỏ khỏi Danh mục

Từ góc độ quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, việc lược bỏ đáng kể số các ngành nghề thuộc diện cấm hoặc có điều kiện là rất có ý nghĩa, đặc biệt là với những ngành nghề mà tại thời điểm ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh/cấm đầu tư kinh doanh.

Mặc dù vậy, trong nhiều trường hợp, việc kiểm soát một ngành nghề đầu tư kinh doanh thông qua các điều kiện hoặc cấm một ngành nghề đầu tư kinh doanh lại là việc cần thiết nhằm đảm bảo một cách tương đối các lợi ích công cộng liên quan. Do đó việc lược bỏ các ngành nghề cấm hoặc có điều kiện đang áp dụng cũng cần phải được xem xét thận trọng không kém gì so với việc xem xét có đưa một ngành nghề vào nhóm cấm hoặc có điều kiện không, trong đó ít nhất phải chú ý 02 vấn đề:

- Giải trình về (i) Lý do tại sao cần lược bỏ các ngành nghề này? (ii) Những lợi ích công cộng mà các điều kiện kinh doanh/quy định cấm đầu tư được thiết kế để bảo vệ, nếu có, sẽ được xử lý như thế nào khi bỏ các quy định cấm/các điều kiện này?
- Dự kiến cơ chế chuyển đổi (bởi suy đoán là các ngành nghề cấm hoặc có điều kiện hiện đang được quy định trong một văn bản pháp luật chuyên ngành cụ thể, vậy khi các



“Việc lược bỏ các ngành nghề cấm hoặc có điều kiện đang áp dụng cũng cần phải được xem xét thận trọng không kém gì so với việc xem xét có đưa một ngành nghề vào nhóm cấm hoặc có điều kiện không.”

ngành nghề này được bỏ các điều kiện/bỏ quy định cấm theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp thì các văn bản pháp luật nói trên sẽ được xử lý như thế nào? Các doanh nghiệp đang áp dụng các điều kiện theo quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành sẽ được tự động không phải tuân thủ các điều kiện hay thế nào?

■ Vì vậy, đề nghị:

- Công khai và lấy ý kiến cho cả (i) Danh mục các ngành nghề đầu tư kinh doanh hiện đang cấm mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã kiến nghị lược bỏ; và (ii) Danh mục các ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất lược bỏ;
- Chú ý thực hiện 03 hoạt động như nêu ở trên đối với các ngành nghề đầu tư kinh doanh dự kiến bỏ điều kiện hoặc bỏ quy định cấm.

Về các hoạt động thương mại có điều kiện trong Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện

■ **VCCI đề nghị:**

- Làm rõ khái niệm “ngành nghề kinh doanh có điều kiện”/“điều kiện kinh doanh”(để phân biệt với hoạt động thương mại/điều kiện đối với hoạt động thương mại) cho tất cả các Bộ ngành để đảm bảo cách hiểu thống nhất trong quá trình rà soát cho Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;
- Rà soát lại toàn bộ Danh mục để đưa các trường hợp không phải ngành nghề kinh doanh có điều kiện (mà chỉ là hoạt động thương mại có điều kiện) ra khỏi Danh mục, chẳng hạn như: mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa; nhượng quyền thương mại; đăng ký sử dụng phụ gia không thông dụng để sản xuất, chế biến, pha chế xăng dầu...

Về việc phân biệt giữa “ngành nghề kinh doanh” và “điều kiện kinh doanh” trong Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện

Danh mục đang xây dựng là Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (tức là phải liệt kê theo loại ngành nghề, chứ không phải theo loại điều kiện kinh doanh/loại giấy phép kinh doanh). Tuy nhiên rà soát sơ bộ Dự thảo Danh mục có điều kiện cho thấy có rất nhiều mục là liệt kê điều kiện kinh doanh (thay vì liệt kê ngành nghề), thậm chí nêu luôn tên Giấy phép (Giấy phép cũng là điều kiện kinh doanh, không phải ngành nghề kinh doanh). Cách thiết kế này khiến cho các ngành nghề trong Danh

mục bị lộn xộn, không theo một tiêu chí cụ thể nào và nhiều trường hợp là chồng lấn.

VCCI đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát lại Danh mục để đảm bảo rằng các nội dung trong Danh mục là các ngành nghề kinh doanh chứ không phải là các điều kiện/giấy phép kinh doanh.

Về cách thiết kế quy định về ngành nghề kinh doanh

VCCI đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát để thống nhất lại cách thiết kế cho toàn bộ các ngành nghề kinh doanh trong Danh mục ngành nghề có điều kiện, đảm bảo rằng:

- Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện được liệt kê một cách chính xác, đầy đủ;
- Chỉ các ngành nghề kinh doanh được liệt kê trong Danh mục;
- Để đảm bảo tính thống nhất của toàn Danh mục (để mỗi ngành nghề kinh doanh chỉ liệt kê một lần trong Danh mục và không bị trùng lặp nhau), Cơ quan soạn thảo cần thống nhất cách ghi ngành nghề chi tiết ở cấp độ nào (mấy số) trong Danh mục này.

Ví dụ: thống nhất ghi ngành nghề trong Danh mục theo cấp 6 số, 8 số hoặc 10 số theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam tại Quyết định 39/2010/QĐ-TTg – Chú ý là cấp càng nhiều số thì càng chi tiết, minh bạch và rõ ràng hơn cho doanh nghiệp.

Ngoài ra VCCI có một số nhận xét cụ thể đối với một số ngành nghề trong Dự thảo Danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện.

Từ tháng 7 đến tháng 10/2014, có 12 văn bản trong nhiều lĩnh vực đã được ban hành mà VCCI có ý kiến góp ý, bao gồm các văn bản sau:



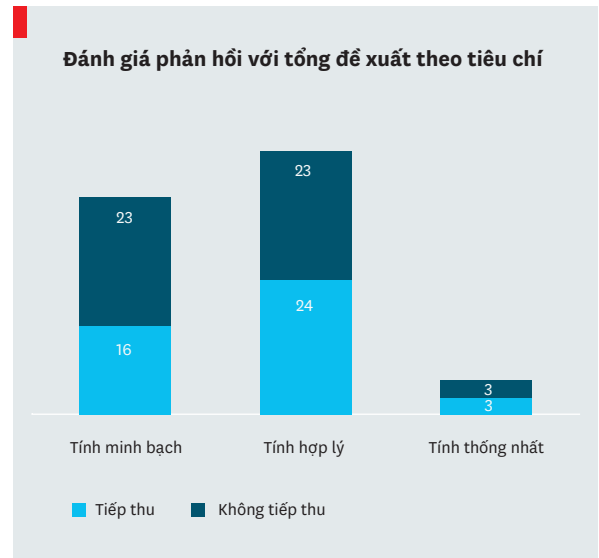
- Nghị định 79/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy
- Nghị định 76/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/7/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ
- Nghị định 71/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/7/2014 về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh
- Nghị định 86/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/9/2014 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
- Nghị định 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 3/9/2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu
- Nghị định 94/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/10/2014 Quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai
- Thông tư 23/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 29/7/2014 hướng dẫn Nghị định 36/NĐ-CP về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra
- Thông tư 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 6/8/2014 Hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam
- Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư 156/2013/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC, 219/2013/TT-BTC, 08/2013/TT-BTC, 85/2011/TT-BTC, 39/2014/TT-BTC và 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản thủ tục hành chính về thuế
- Thông tư 18/2014/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 8/9/2014 hướng dẫn việc bán đấu giá tài sản bảo đảm quy định tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18/05/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam
- Thông tư 04/2014/TT-TTTP của Thanh tra Chính phủ ngày 18/9/2014 Quy định tiêu chí nhận định tình hình tham nhũng và nội dung đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng
- Thông tư 42/2014/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 15/9/2014 quy định về thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc và xe tải tham gia giao thông đường bộ.

Trong 12 văn bản, VCCI có tổng 92 ý kiến góp ý, như vậy, trung bình mỗi văn bản VCCI có 7,7 đề xuất, kiến nghị.

Các ý kiến góp ý của VCCI tập trung vào:

- **Tính thống nhất:** rà soát để xem xét các quy định trong văn bản có thống nhất với các văn bản pháp luật liên quan cùng điều chỉnh hay là có mâu thuẫn, chồng chéo với chính các quy định trong cùng văn bản không?
- **Tính minh bạch:** các kiến nghị của VCCI chủ yếu liên quan đến tính minh bạch trong quy trình thủ tục hành chính cũng như các khái niệm được sử dụng trong văn bản, để đảm bảo các thủ tục hành chính được thiết kế đơn giản, rõ ràng, cụ thể; các khái niệm có cùng cách hiểu giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, hạn chế tối đa tình trạng những nhiều, cửa quyền từ cán bộ thực thi xuất phát từ sự thiếu rõ ràng trong các quy định.
- **Tính hợp lý:** VCCI xem xét, nhìn nhận các quy định, đặc biệt là các quy định liên quan đến điều kiện kinh doanh, các biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có phù hợp, khả thi, cản trở một cách bất hợp lý đối với quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp không trong khi mục tiêu quản lý lại không đạt được.

Các đề xuất, kiến nghị của VCCI chủ yếu liên quan đến tính hợp lý và minh bạch. Qua rà soát, đối chiếu giữa văn bản góp ý với các văn bản pháp luật đã được ban hành thì tỷ lệ tiếp thu các ý kiến VCCI chưa cao và VCCI cũng chưa nhận được ý kiến giải trình từ phía các cơ quan soạn thảo về lý do của việc không tiếp thu này.



Biểu đồ cho thấy, ý kiến về tính hợp lý chiếm đến hơn nửa tổng số đề xuất của VCCI (51%) và đây cũng là nhóm ý kiến duy nhất có tỷ lệ tiếp thu cao hơn là không được tiếp thu. Đối với các đề xuất về tính hợp lý, chủ yếu là các kiến nghị loại bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý hay là thay đổi các biện pháp quản lý đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp quá mức cần thiết, thì việc các ý kiến tiếp thu nhiều hơn các ý kiến không tiếp thu là một điều đáng ghi nhận. Điều này đồng nghĩa với việc, rất nhiều các quy định chưa phù hợp, cản trở quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp đã được xóa bỏ xuất phát từ kiến nghị của VCCI.

Tính minh bạch là một trong những tiêu chí hàng đầu được VCCI xem xét mỗi khi góp ý văn bản pháp luật. Tuy nhiên, dường như các yêu cầu về sự rõ ràng trong quy định, minh bạch trong các thủ tục hành chính vẫn chưa được các cơ quan nhà nước ghi nhận một cách thích đáng. Chỉ có 41% (16/39) kiến nghị của VCCI về tính minh bạch được tiếp thu.

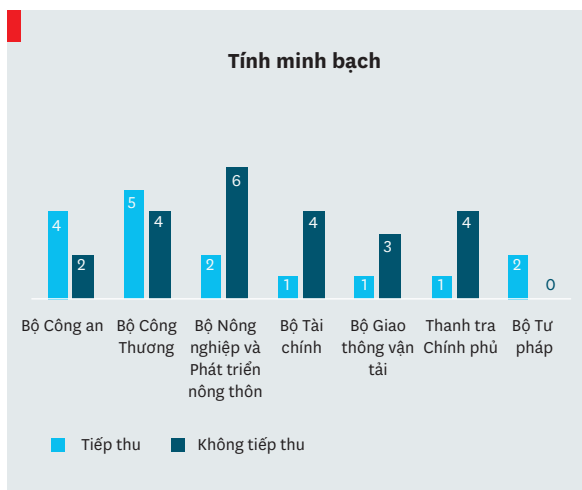
Số kiến nghị về tính thống nhất so với hai tiêu chí trên là ít hơn hẳn. Điều này cũng cho thấy, các cơ quan soạn thảo đã quan tâm nhiều hơn tới việc rà soát để đảm bảo tính thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo giữa các văn bản



cùng điều chỉnh. Mặc dù, việc chỉ ra sự thiếu nhất quán giữa các quy định là khá rõ ràng, nhưng tỷ lệ tiếp thu của cơ quan soạn thảo vẫn chỉ là 50%.

Nếu đánh giá phản hồi đối với tính minh bạch – tiêu chí có số lượng tiếp thu thấp, thì thấy ở mỗi Bộ cũng có sự khác nhau về mức độ ghi nhận ý kiến, trong đó có 3/7 Bộ tiếp thu nhiều hơn là không tiếp thu ý kiến góp ý của VCCI, đặc biệt tỷ lệ này ở Bộ Tư pháp là 100%.

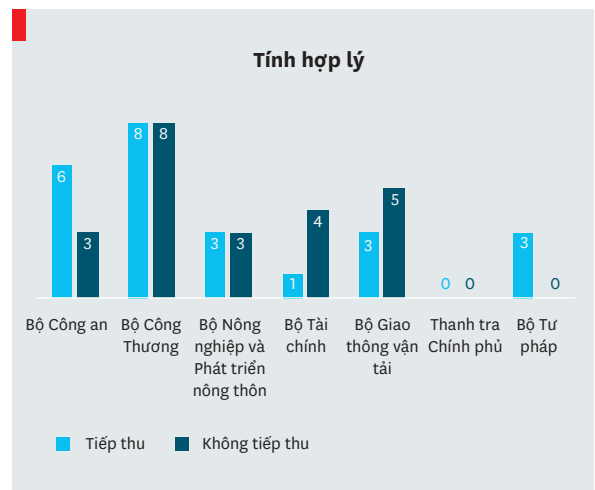
Các ý kiến về tính minh bạch của VCCI không được tiếp thu tập trung chủ yếu ở các Bộ như: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải và Thanh tra Chính phủ, trong đó cứ trung bình cứ 3,4 ý kiến thì chỉ 1 ý kiến được ghi nhận.



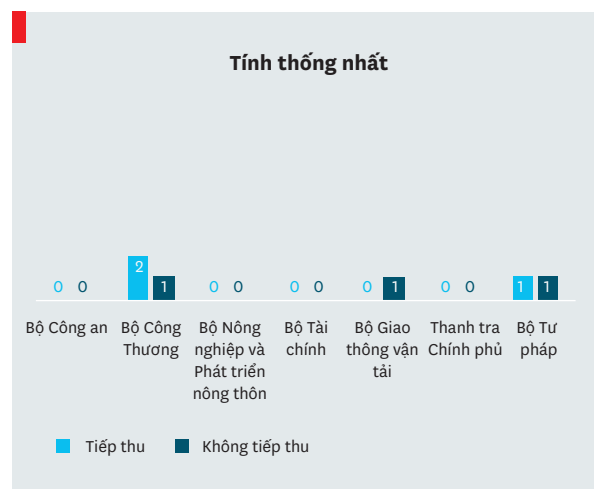
Đối với tính hợp lý, phần lớn các Bộ tiếp thu ý kiến của VCCI hơn là không tiếp thu. Chỉ có 2 Bộ là Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải có tỷ lệ tiếp thu thấp hơn là không tiếp thu, tuy nhiên tỷ lệ phản hồi này được đánh giá trên tổng số văn bản của Bộ soạn thảo mà VCCI có ý kiến và giữa những văn bản thì số lượng ý kiến tiếp thu của các Bộ không giống nhau. Chẳng hạn như Bộ Tài chính, đối với văn bản liên quan đến cải cách hành chính về thuế thì tỷ lệ tiếp thu là 100% ý kiến của VCCI, nhưng gộp chung với

các ý kiến góp ý văn bản khác thì đánh giá tỷ lệ phản hồi ở Bộ này vẫn ở mức thấp.

Đây là tiêu chí mà số lượng ý kiến góp ý của VCCI được ghi nhận tốt nhất so với các tiêu chí khác, có đến 4/6 Bộ có tỷ lệ tiếp thu cao, trong đó Bộ Tư pháp thì tiếp thu hoàn toàn ý kiến của VCCI, ở Bộ Công an VCCI có số ý kiến tiếp thu cao gấp đôi không tiếp thu.



Trong 7 Bộ có văn bản ban hành trong 4 tháng qua, thì chỉ có 3 Bộ nhận được kiến nghị của VCCI về tính thống nhất, trong đó Bộ Công Thương tiếp thu 2/3 đề xuất của VCCI, Bộ Tư pháp tỷ lệ này là 1/2, Bộ Giao thông vận tải không tiếp thu một kiến nghị.



Những văn bản VCCI đã góp ý kiến

Trong 4 tháng vừa qua (từ tháng 7 đến tháng 10/2014), VCCI đã có ý kiến góp ý đối với 38 văn bản², trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: tài chính, ngân hàng, tư pháp, vận tải, tài nguyên - khoáng sản, môi trường, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, y tế, công nghệ thông tin..., đó là:

STT	Loại văn bản	Tên văn bản	Cơ quan soạn thảo
LUẬT			
1	Luật	Luật doanh nghiệp (sửa đổi)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Luật	Luật đầu tư (sửa đổi)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Luật	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp
NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định	Nghị định ban hành Quy chế bảo vệ công trình cảng biển và luồng hàng hải	Bộ Giao thông vận tải
2	Nghị định	Nghị định quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa	Bộ Giao thông vận tải
3	Nghị định	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt	Bộ Giao thông vận tải
4	Nghị định	Nghị định về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
5	Nghị định	Nghị định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan	Bộ Tài chính
6	Nghị định	Nghị định về quản lý casino	Bộ Tài chính
7	Nghị định	Nghị định quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ	Bộ Tài nguyên và Môi trường
8	Nghị định	Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường 2014	Bộ Tài nguyên và Môi trường
9	Nghị định	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Bộ Tư pháp
10	Nghị định	Nghị định về dịch vụ công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông
THÔNG TƯ			
1	Thông tư	Thông tư quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 76/2014/NĐ-CP ngày 29/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Bộ Công Thương
2	Thông tư	Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường ống dẫn hơi và nước nóng nhà máy điện	Bộ Công Thương

² Toàn văn các ý kiến này được đăng tải trên website của VCCI tại địa chỉ www.vibnonline.com.vn

STT	Loại văn bản	Tên văn bản	Cơ quan soạn thảo
THÔNG TƯ			
3	Thông tư	Thông tư quy định về thùng hàng của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông	Bộ Giao thông vận tải
4	Thông tư	Thông tư hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
5	Thông tư	Thông tư hướng dẫn Nghị định 202/2013/NĐ-CP quy định về quản lý phân bón	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
6	Thông tư	Thông tư đánh giá rủi ro thủy sản sống nhập khẩu vào Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
7	Thông tư	Thông tư hướng dẫn Nghị định 187/2013/NĐ-CP về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
8	Thông tư	Thông tư về quản lý thuốc bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
9	Thông tư	Thông tư hướng dẫn Nghị định 170/2004/NĐ-CP và Nghị định số 200/2004/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
10	Thông tư	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bơm phun thuốc trừ sâu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
11	Thông tư	Thông tư quy định về hoạt động hỗ trợ pháp lý lĩnh vực hải quan	Bộ Tài chính
12	Thông tư	Thông tư ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 1, 2, 3 và 4	Bộ Tài chính
13	Thông tư	Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	Bộ Tài chính
14	Thông tư	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư (Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 và Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính)	Bộ Tài chính
15	Thông tư	Thông tư liên tịch hướng dẫn định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính
16	Thông tư	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/07/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về thuế tài nguyên	Bộ Tài chính
17	Thông tư	Thông tư quy định áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế	Bộ Tài chính
18	Thông tư	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sửa đổi về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên, nước thải công nghiệp dệt nhuộm, nước thải công nghiệp sản xuất giấy và bột giấy, chất lượng nước mặt, chất lượng nước ngầm và chất lượng nước biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Loại văn bản	Tên văn bản	Cơ quan soạn thảo
THÔNG TƯ			
19	Thông tư	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục công chứng, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế	Bộ Tư pháp
20	Thông tư	Thông tư hướng dẫn đặt tên doanh nghiệp phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
21	Thông tư	Thông tư hướng dẫn về hoạt động quảng cáo trong lĩnh vực y tế	Bộ Y tế
22	Thông tư	Thông tư quy định việc đăng ký thuốc	Bộ Y tế
23	Thông tư	Thông tư quy định phí dịch vụ tiền mặt và Dự thảo Thông tư quy định thanh toán bằng tiền mặt của các tổ chức sử dụng vốn nhà nước	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
24	Thông tư	Thông tư hướng dẫn xử lý việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
25	Thông tư	Thông tư quy định tiêu chí nhận định tình hình tham nhũng và nội dung đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng	Thanh tra Chính phủ

Các ý kiến góp ý tập trung vào các kiến nghị sau:

- Loại bỏ các điều kiện kinh doanh bất hợp lý;
- Loại bỏ một số biện pháp quản lý quá mức cần thiết;
- Điều chỉnh một số quy định để đảm bảo thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan;
- Điều chỉnh một số quy định để đảm bảo tính minh bạch trong quy định: các khái niệm phải rõ ràng, cụ thể, tạo cách hiểu thống nhất; quy trình thủ tục hành chính rõ ràng, đơn giản...

Các kiến nghị chính đối với từng nhóm lĩnh vực như sau:

VẬN TẢI

Trong lĩnh vực này, trong 4 tháng vừa rồi có các văn bản liên quan đến giao thông đường thủy nội địa, đường biển và đường bộ được soạn thảo, để sửa chữa, bổ sung một số quy định đã có trong văn bản pháp luật hiện hành. Các góp ý của VCCI tập trung chủ yếu đến tính minh bạch và hợp lý trong quy định, cụ thể:

■ Về cảng biển và luồng hàng hải³:

- Cần quy định rõ một số điểm trong nguyên tắc bảo vệ công trình cảng biển và luồng hàng hải chẳng hạn như: xác định rõ các mức độ được cho là ảnh hưởng đến an toàn công trình, an toàn hàng hải? Cơ quan có thẩm quyền xác định sự ảnh hưởng này cũng như các tiêu chí để đánh giá, cho phép? Thủ tục, trình tự, điều kiện để cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho các trường hợp này;
- Quy định rõ ràng một số điểm trong vùng hạn chế xây dựng các công trình khác, ví dụ: tiêu chí để cơ quan nhà nước thẩm định, chấp thuận/từ chối việc xây dựng các công trình trong phạm vi luồng hàng hải và khu vực có các công trình hỗ trợ khai thác cảng biển và luồng hàng hải? Trình tự, thủ tục liên quan đến việc cấp phép này.

■ Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt⁴:

- Cần xem xét bỏ quy định bắt buộc niêm yết các thông tin như khối lượng hàng hóa được phép chuyên chở trên xe ô tô đầu kéo vì trùng lặp và không cần thiết vì đã có trong Giấy chứng nhận đăng kiểm mà lái xe luôn phải xuất trình khi được yêu cầu;
- Bỏ quy định bổ sung tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 02 tháng đối với hành vi “điều khiển xe không có phù hiệu hoặc có nhưng đã hết hạn đối với loại xe quy định phải có phù hiệu” bởi vì mức độ nguy hiểm của hành vi này không tương đương với các hành vi trong cùng khung (chở người trên thùng xe trái quy định; để người ngồi trên mũ xe, đu bám bên ngoài xe khi đang chạy...) và việc xe có gắn phù hiệu hay không thuộc về trách nhiệm của chủ phương tiện vận tải hoặc doanh nghiệp kinh doanh vận tải chứ không phải là lái xe.

■ Điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa⁵:

- Cần quy định chi tiết các điều kiện đặc thù đối với vận tải hàng hóa đặc biệt như: vận tải hàng hóa nguy hiểm, vận tải hàng hóa siêu trường siêu trọng... hoặc dẫn chiếu tới các văn bản pháp luật có quy định;



³ Dự thảo Nghị định ban hành Quy chế bảo vệ công trình cảng biển và luồng hàng hải

⁴ Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 171/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt

⁵ Dự thảo Nghị định quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa

- Rà soát các điều kiện kinh doanh vận tải thủy nội địa hiện có trong Luật và các văn bản hướng dẫn để đưa vào quy định điều kiện chung kinh doanh vận tải đường thủy nội địa để đảm bảo tính thống nhất cũng như rõ ràng, cụ thể của quy định;
- Quy định cụ thể về trình tự, thủ tục đối với thủ tục “đăng ký với cơ quan quản lý giao thông vận tải có thẩm quyền về tuyến hoạt động và phương án kinh doanh đối với hình thức vận tải theo tuyến cố định hoặc về khu vực hoạt động đối với hình thức vận tải không theo tuyến cố định”;
- Quy định rõ về “bến đón, trả khách” của kinh doanh vận tải hành khách ngang sông vì trong Luật giao thông đường thủy nội địa không có các khái niệm này và quy định rõ việc cấp phép hoạt động đối với các loại bến này được cấp cho việc kinh doanh vận tải khách ngang sông hay cấp phép cho bến đón, trả và thủ tục cấp phép như thế nào?
- Xem xét bỏ quy định tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải có điều kiện phải “thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo thống kê” bởi vì không thống nhất với Luật giao thông đường thủy nội địa;
- Cần kéo dài thời gian chuyển tiếp của quy định để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị áp dụng.

■ **Thùng hàng của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông⁶:**

- Cần quy định nguyên tắc áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau trong các quy định của Thông tư với Điều ước quốc tế mà Việt Nam có tham gia có liên quan đến các quy định;
- Quy định về điều kiện chuyển tiếp theo hướng: các xe có thùng hàng không thỏa mãn điều kiện quy định tại Thông tư phải chuyển đổi theo lộ trình, nếu quá thời điểm mà không chuyển đổi thì Giấy chứng nhận không có giá trị, được áp dụng chung cho tất cả các loại xe. Quy định thời điểm (hạn chót)

cho việc chuyển đổi dài, phù hợp với thực tế và phù hợp với các quy định khác trong Phụ lục Dự thảo.

Đồng thời, VCCI chuyển các góp ý của các doanh nghiệp phản hồi các đề nghị góp ý tới các cơ quan chủ trì soạn thảo.

THUẾ, PHÍ, HẢI QUAN VÀ QUẢN LÝ GIÁ

Trong các lĩnh vực thuộc quản lý của Bộ Tài chính, từ tháng 7 đến nay, có các văn bản liên quan đến hải quan, thuế, phí được soạn thảo. Các quy định này có tính chất sửa đổi, bổ sung một số quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành với mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp hay là chuẩn hóa các tiêu chuẩn. Các ý kiến góp ý của VCCI cũng chủ yếu liên quan đến tính minh bạch và hợp lý trong các quy định, cụ thể là:

■ **Kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan⁷:**

- Đề nghị bỏ quy định về Danh mục hàng hóa phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập bởi vì quy định này chưa thống nhất với tinh thần của Luật hải quan (không giới hạn về địa điểm làm thủ tục hải quan cũng như những hàng hóa bắt buộc phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập) vừa chưa hợp lý, không cần thiết bởi hiện tại đã có cơ chế để kiểm soát các hành vi vi phạm (chế tài xử phạt) và việc duy trì cơ chế đặc thù này sẽ tạo sự bất ổn và thiếu nhất quán trong chính sách, ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Về kiểm tra thực tế hải quan: cần bổ sung thêm nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa khi kiểm tra. Giảm thời gian kiểm tra hàng hóa chuyên ngành xuống còn 7 ngày trừ khi pháp luật về kiểm tra chuyên ngành có quy định khác và nếu hết

⁶ Dự thảo Thông tư quy định về thùng hàng của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông

⁷ Dự thảo Nghị định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan

thời gian trên mà chưa có kết luận kiểm tra thì coi như hàng hóa đã đạt tiêu chuẩn và được tiến hành thông quan;

- Bổ sung nội dung kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải quan chỉ bao gồm tài liệu, hồ sơ các Chi cục hải quan làm thủ tục cung cấp;
- Cần giải trình rõ hơn về quy định một số loại hàng hóa không được phép gửi ở kho ngoại quan và cần nhắc việc bỏ quy định này để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp;
- Rà soát và điều chỉnh một số thuật ngữ để đảm bảo tính minh bạch của quy định cũng như thể hiện đúng tính thần của các quy định, chẳng hạn: quy định về kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật hay là việc xác định trước mã số, xuất xứ và trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu...

■ Hỗ trợ pháp lý trong lĩnh vực hải quan⁸:

VCCI đánh giá cao các nội dung tại Dự thảo với các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp rõ ràng và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, để các hoạt động hỗ trợ này hiện thực và hiệu quả trên thực tế, mang lại lợi ích thực chất cho doanh nghiệp, cần thiết kế cơ chế hỗ trợ hợp lý, đơn giản và thuận tiện cho doanh nghiệp và loại bỏ các trở ngại thực tế có thể khiến cho doanh nghiệp buộc phải từ chối hỗ trợ, chẳng hạn:

- Bỏ quy định về việc cơ quan hải quan có quyền yêu cầu doanh nghiệp cung cấp đầy đủ thông tin liên quan hoặc nếu vẫn giữ quy định này, cần quy định theo hướng cơ quan hải quan có quyền yêu cầu doanh nghiệp làm rõ về các yêu cầu/đề nghị về hỗ trợ pháp lý;
- Bổ sung nội dung hỗ trợ pháp lý là quy trình khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động hải quan để tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc hiểu rõ quyền của mình cũng như thể hiện tinh thần nghiêm túc, cầu thị từ phía cơ quan nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn;

- Giải đáp vướng mắc thực hiện pháp luật bằng văn bản: quy định nên đi theo hướng, doanh nghiệp chỉ phải gửi đề nghị giải đáp vướng mắc (mà không cần phải gửi kèm theo bất kỳ tài liệu nào) tới cơ quan nhà nước. Tất nhiên, Dự thảo có thể quy định rõ về các yêu cầu nội dung cần phải có trong một đề nghị vướng mắc để các đề nghị này thể hiện được rõ ràng bối cảnh, vấn đề và nội dung yêu cầu, và trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm nhận đề nghị giải đáp vướng mắc của doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước phải có trách nhiệm trả lời;
- Giải đáp vướng mắc thực hiện pháp luật thông qua mạng điện tử: nên quy định một cách rõ ràng, phù hợp với tính chất của môi trường điện tử: các hoạt động gửi, tiếp nhận, phản hồi trên môi trường điện tử;
- Giải đáp vướng mắc thực hiện pháp luật thông qua đối thoại thường xuyên: cần quy định rõ thời hạn giải đáp và thời hạn này phải ngắn (ví dụ 1-3 ngày). Trường hợp vướng mắc phức tạp, đòi hỏi thời hạn giải quyết lâu (15 ngày như hỗ trợ pháp lý bằng văn bản) thì cần quy định quy trình để cán bộ tiếp nhận hướng dẫn doanh nghiệp làm đề nghị hỗ trợ pháp lý để được hỗ trợ theo các hình thức hỗ trợ khác phù hợp;
- Thực hiện hỗ trợ pháp lý trước, trong và sau khi làm thủ tục hải quan: cần quy định cụ thể về các thời hạn để giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp như thế nào: cơ quan hải quan tiếp nhận các đề nghị giải đáp vướng mắc như thế nào? Trong thời hạn bao lâu kể từ khi nhận được đề nghị thì cơ quan hải quan phải có trách nhiệm trả lời cho doanh nghiệp;
- Hỗ trợ pháp lý qua điều tra, khảo sát: cần quy định rõ ràng hơn về các nội dung điều tra, khảo sát; phạm vi điều tra khảo sát; việc sử dụng kết quả khảo sát như thế nào để phục vụ cho hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp.

⁸ Dự thảo Thông tư quy định về hoạt động hỗ trợ pháp lý lĩnh vực hải quan

■ **Sửa đổi các quy định về thuế⁹:**

VCCI đồng tình với các quy định về thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, tuy nhiên đề nghị xem xét các cải cách này không tạo ra những thủ tục mới (hoặc đòi hỏi mới đối với doanh nghiệp).

■ **Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam¹⁰:**

- Điều chỉnh nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn thẩm định giá để đảm bảo nguyên tắc áp dụng cho thời điểm bắt đầu sự việc/hoạt động chứ không thể xác định sau khi sự việc/hoạt động đó kết thúc;
- Quy tắc đạo đức hành nghề thẩm định giá:
 - Bỏ các quy tắc áp dụng cho khách hàng sử dụng dịch vụ thẩm định giá hoặc bên thứ ba sử dụng kết quả thẩm định giá bởi không thuộc phạm vi áp dụng của Tiêu chuẩn;
 - Bỏ các quy định về trách nhiệm giữa các cá nhân (ai chịu trách nhiệm trước ai) và quy định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp thẩm định giá trong trường hợp kết quả thẩm định giá không chính xác, khách quan trước khách hàng trong quy định về tính chịu trách nhiệm của thẩm định viên;
 - Nguyên tắc “độc lập”⁹: sửa đổi quy định theo hướng trong trường hợp không khắc phục được sự hạn chế về tính độc lập và sự hạn chế này ảnh hưởng đến kết quả thẩm định thì thẩm định viên, doanh nghiệp thẩm định giá phải từ chối tiến hành thẩm định giá và cần quy định cụ thể hoặc dẫn chiếu tới quy định về các trường hợp được cho là có sự hạn chế đến tính độc lập của thẩm định viên, doanh nghiệp thẩm định giá;
 - Nguyên tắc “chính trực”¹⁰: Quy định rõ trường hợp thẩm định viên có quyền/nghĩa vụ phải từ chối thực hiện thẩm định giá nếu xét thấy không đủ trình độ chuyên môn để thực hiện – điều này cũng thể hiện rõ khía cạnh trung thực về trình độ chuyên môn và đảm bảo được chất lượng của kết quả thẩm định. Quy định rõ những ràng buộc có thể chi phối làm sai lệch kết quả thẩm định giá;
 - Nguyên tắc “khách quan”¹¹: Cần quy định theo hướng các hành vi bị cấm của thẩm



định viên, doanh nghiệp thẩm định giá (thuộc phạm trù đạo đức) liên quan đến giá dịch vụ thẩm định giá.

■ **Thuế tài nguyên¹¹:**

- Xác định chính xác về người nộp thuế tài nguyên để đảm bảo không có sự trùng lặp vừa phù hợp với các thuật ngữ được sử dụng trong các văn bản pháp luật khác, chẳng hạn “các doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp, các hợp tác xã, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân ...”;
- Về xác định sản lượng tài nguyên tính thuế: cần quy định rõ việc phân cấp, chất lượng, giá trị thương mại của sản phẩm chi tiết tới đâu? Ngoài ra thời điểm xác định sản phẩm này là khi khai thác hay khi bán lại hay khi đưa vào sản xuất?
- Cần quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền thẩm định và ấn định sản lượng tài nguyên khai thác chịu thuế;
- Cần xác định lại cơ quan chủ trì xây dựng, điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định để đảm bảo tính thống nhất với các văn bản pháp luật khác, đặc biệt là Nghị định 203/2013/NĐ-CP quy định về phương pháp

⁹ Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Thông tư (Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 và Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính

¹⁰ Dự thảo Thông tư ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 1, 2, 3 và 4
¹¹ Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/07/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về thuế tài nguyên

tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

■ **Quản lý rủi ro trong quản lý thuế¹²:**

- Bổ sung các nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế như: Việc thu thập, xử lý và chia sẻ thông tin về quản lý rủi ro trong quản lý thuế phải đảm bảo phù hợp với pháp luật về bí mật nhà nước và bảo vệ quyền bí mật đời tư của cá nhân, tổ chức; Phương pháp thu thập, xử lý, tiêu chí quản lý rủi ro phải được công khai; Việc áp dụng các biện pháp kiểm tra, thanh tra và các biện pháp nghiệp vụ khác chỉ được dựa trên kết quả quản lý rủi ro. Nghiêm cấm việc áp dụng các biện pháp kiểm tra, thanh tra và các biện pháp nghiệp vụ khác vượt quá mức rủi ro tương ứng của người nộp thuế; Đảm bảo công bằng trong việc thu thập, xử lý thông tin giữa những người nộp thuế;
- Trình tự áp dụng quản lý rủi ro: Cơ quan quản lý thuế cần xây dựng bộ tiêu chí trước rồi mới tiến hành thu thập thông tin và xử lý dữ liệu phù hợp với bộ tiêu chí đó;
- Thu thập, xử lý thông tin: Việc thu thập thông tin cần được quy định theo hướng đảm bảo sự công bằng giữa những người nộp thuế. Ngoài ra, theo đánh giá của một số chuyên gia, với số lượng người nộp thuế lên đến hàng chục triệu thì lượng thông tin mà cơ quan thuế phải thu thập sẽ rất lớn và nguồn lực để thực hiện việc này không hề nhỏ. Do đó, bước đầu chỉ nên thu thập những thông tin liên quan trực tiếp đến lĩnh vực thuế, không nên mở quá rộng;
- Cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin: cần bổ sung quy định về việc thu thập thông tin từ các cá nhân, tổ chức ngoài nhà nước để giúp cơ quan thuế có thêm cơ chế khi cần thu thập thông tin từ các tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp cần thiết;
- Đánh giá tuân thủ pháp luật thuế đối với người nộp thuế: Cần quy định rõ việc công khai kết quả đánh giá cho từng người nộp thuế để các đối tượng này nhận biết được

hiện trạng của doanh nghiệp ở mức độ nào. Đồng thời, cần quy định về việc sử dụng kết quả đánh giá (sử dụng kết quả đánh giá để làm gì);

- Áp dụng quản lý rủi ro: cần bổ sung vào các hoạt động nghiệp vụ về quản lý rủi ro quy định sau: “Việc áp dụng biện pháp kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế/kiểm tra hồ sơ khai thuế/giải quyết hồ sơ hoàn thuế/kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế/xử lý nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế/quản lý việc in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn chỉ được dựa trên kết quả quản lý rủi ro. Nghiêm cấm việc áp dụng biện pháp này vượt quá mức rủi ro tương ứng của người nộp thuế”.

■ **Phí thẩm định và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá¹³:**

- Mức thu phí: đề nghị quy định mức phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá riêng với mức phí thẩm định cấp lại, trong đó với thủ tục cấp lại thì mức phí thấp hơn, xuất phát từ số lượng tài liệu trong hồ sơ, tính chất phức tạp của hai hồ sơ, thủ tục là khác nhau;
- Mức phí thẩm định: Xem xét hạ mức phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá xuống bằng với mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 77/2012/TT_BTC vì đây là hoạt động tương tự các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này;
- Quản lý sử dụng: Điều chỉnh lại mức phí giữ lại của cơ quan thu phí để đảm bảo phù hợp với các quy định tại các văn bản pháp luật khác cùng điều chỉnh.

¹² Dự thảo Thông tư quy định áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế

¹³ Dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí thẩm định và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

- **Định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước¹⁴:**
- Cần cân nhắc sự cần thiết ban hành văn bản quy định về vấn đề này và điều chỉnh theo hướng:
 - Nếu thống nhất rằng hoạt động định giá tài sản trí tuệ, kết quả nghiên cứu khoa học – công nghệ từ ngân sách Nhà nước thực chất cũng tương tự như định giá các tài sản nói chung thì Dự thảo (với tính chất là văn bản hướng dẫn, bắt buộc phải có theo quy định của Nghị định 08/2014 ND-CP) chỉ cần dẫn chiếu tới các văn bản liên quan là đủ;
 - Nếu giải trình được rằng việc định giá các tài sản này có những đặc điểm riêng, khác biệt và không thể sử dụng quy trình định giá chung đã có thì cần thiết kể các quy định riêng, tương ứng với các đặc điểm riêng của hoạt động định giá các tài sản này, đối với các vấn đề chung liên quan dẫn chiếu tới văn bản có quy định.
- Bỏ hình thức “tự định giá” do chủ thể có thẩm quyền định giá không đủ chuyên môn để định giá;
- Phương pháp định giá: Quy định định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ theo hướng Định giá quy định tại Luật giá mà không phải là Thẩm định giá và Quy định cụ thể hơn phương pháp định giá và điều chỉnh lại các căn cứ định giá chưa hợp lý;
- Đề xuất phương án cho trường hợp thuê dịch vụ định giá theo hướng là dịch vụ định giá của các doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá.
- **Quản lý casino¹⁵:**
- Với đặc thù của ngành nghề kinh doanh này (có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến an ninh trật tự, một số lợi ích công cộng khác), việc quản lý hoạt động kinh doanh casino trên quan điểm chặt, hạn chế là hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên, một số biện pháp quản lý lại quá mức cần thiết, đề nghị xem xét bỏ, chẳng hạn:
 - Yêu cầu doanh nghiệp xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ và kiểm soát nội bộ;
 - Xác định giá tối đa của phí thuê quản lý casino.
- Cân nhắc chuyển tất cả các điều kiện liên quan vào thành điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino (kể cả các điều kiện về mối liên hệ giữa hoạt động kinh doanh casino với hoạt động kinh doanh tổng hợp liên quan) và Quy định thống nhất 01 thủ tục cấp Giấy này;
- Cân nhắc một số quy định chưa đảm bảo tính hợp lý về điều kiện kinh doanh cụ thể như:
 - Xác định nhà sản xuất, cung cấp và tổ chức kiểm định độc lập máy trò chơi, bàn trò chơi trên cơ sở những nhà sản xuất, cung cấp và tổ chức kiểm định được phép hoạt động tại thị trường Macao và đã được công bố trên trang website: www.dicj.gov.mo;
 - Yêu cầu kinh nghiệm của chủ đầu tư bởi vì quy định này hạn chế đáng kể các nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực kinh doanh này, đặc biệt là các nhà đầu tư trong nước có tiềm lực tài chính.
- Mặc dù việc quản lý ngành nghề kinh doanh này cần được tiếp cận theo hướng chặt chẽ hơn so với các loại hình kinh doanh khác, mức độ “chặt chẽ” này cần được thể hiện thông qua các điều kiện kinh doanh, còn các thủ tục hành chính thì luôn phải đảm bảo yêu cầu minh bạch, rõ ràng, giảm thiểu tình trạng tham nhũng, nhũng nhiễu. Một số quy định tại Dự thảo thiếu minh bạch như: một số khái niệm chung chung, trao quá nhiều quyền mang tính chất suy đoán cho cán bộ thực thi; một số thủ tục thiếu rõ ràng;
- Điều chỉnh một số quy định để đảm bảo thống nhất với các văn bản pháp luật khác có liên quan, ví dụ: quy định tái xuất và tiêu

¹⁴ Dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước

¹⁵ Dự thảo Nghị định về kinh doanh casino

hủy máy trò chơi, bàn trò chơi, đồng tiền quy ước và các thiết bị có liên quan trong trường hợp doanh nghiệp phá sản là chưa tương thích với Luật phá sản; các quy định về điều kiện đầu tư đang chưa thống nhất với Luật đầu tư đang được soạn thảo;

- Xem xét lại một số quy định chưa bảo vệ quyền lợi của khách hàng, ví dụ: tạm ngừng hoạt động kinh doanh nhưng không quy định doanh nghiệp phải có nghĩa vụ thông báo cho khách hàng; tạm ngừng sử dụng đồng tiền quy ước nhưng không quy định doanh nghiệp phải có nghĩa vụ thông báo cho khách hàng.

Y TẾ

Trong các lĩnh vực do Bộ Y tế quản lý, trong 4 tháng vừa qua có các văn bản về đăng ký thuốc và quảng cáo trong lĩnh vực y tế được soạn thảo. Các quy định tại hai văn bản này chủ yếu liên quan đến các thủ tục hành chính, nên góp ý của VCCI tập trung vào tính minh bạch trong quy trình cũng như các khái niệm có trong các Dự thảo, cụ thể:

■ Đăng ký thuốc¹⁶:

- Quy định rõ về các chủ thể có quyền đăng ký thuốc;
- Trách nhiệm cơ sở đăng ký thuốc: Dự thảo quy định về trách nhiệm giải trình của cơ sở đăng ký thuốc trong trường hợp thuốc đã đăng ký nhưng không được sản xuất, tuy nhiên lại không quy định mục tiêu và ý nghĩa của việc giải trình này? Dự thảo cũng quy định cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm thay đổi cơ sở đăng ký thuốc đối với thuốc do cơ sở đứng tên trong thời hạn tối đa kể từ khi ngừng hoạt động hoặc cơ quan có thẩm quyền chấm dứt hoạt động. Đây là quy định thiếu tính khả thi trong bối cảnh cơ sở đã chấm dứt hoạt động thì không thể thực hiện đăng ký thay đổi cơ sở khác và không xác định được chủ thể chịu trách nhiệm nếu muốn áp dụng chế tài (lúc đó cơ sở này đã chấm dứt hoạt động rồi);

- Rà soát và quy định một cách rõ ràng, cụ thể về các vấn đề liên quan đến:
 - Các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ tiến hành đánh giá kiểm tra cơ sở sản xuất rước hoặc sau khi cấp số đăng ký lưu hành;
 - Thứ tự ưu tiên khi cơ sở đăng ký cung cấp Giấy chứng nhận CPP;
 - Căn cứ của Hội đồng tư vấn cấp số đăng ký;
 - Chủ thể có quyền yêu cầu về an toàn, hiệu quả của thuốc;
 - Các nguyên tắc chung liên quan tới sở hữu trí tuệ...

■ Quảng cáo trong lĩnh vực y tế¹⁷:

- Phạm vi các loại sản phẩm phải xác nhận nội dung khi quảng cáo: Cần làm rõ ý nghĩa của các quy định về phương tiện quảng cáo (đây là quy định giới hạn về loại phương tiện được phép quảng cáo sản phẩm liên quan hay là giới hạn loại phương tiện quảng cáo mà nếu quảng cáo trên đó thì phải xác nhận nội dung còn quảng cáo trên các phương tiện khác thì không phải xác nhận nội dung);
- Hồ sơ đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo: Cần loại bỏ một số tài liệu trong hồ sơ là:
 - Các tài liệu về kịch bản/nội dung dự kiến quảng cáo (kịch bản quảng cáo – đối với quảng cáo mỹ phẩm; nội dung quảng cáo dự kiến trong đĩa hình, đĩa âm thanh, đĩa mềm kèm theo 02 kịch bản đối với quảng cáo trên truyền hình, điện ảnh, phát thanh; bản maket nội dung dự kiến quảng cáo đối với quảng cáo trên báo viết, tờ rơi, poster, áp phích hoặc in ấn trên vật dụng khác, quảng cáo trên báo điện tử, cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp, cổng thông tin điện tử của đơn vị làm dịch vụ quảng cáo, internet – đối với quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ);
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc vì trong Hồ sơ đã phải cung

¹⁶ Dự thảo Thông tư quy định việc đăng ký thuốc

¹⁷ Dự thảo Thông tư hướng dẫn về hoạt động quảng cáo trong lĩnh vực y tế

cấp Giấy phép lưu hành sản phẩm do Cục Quản lý dược cung cấp, tức là đã phải có giấy chứng nhận này rồi;

- Tài liệu kỹ thuật mô tả sản phẩm trang thiết bị y tế vì trong Hồ sơ đã phải cung cấp Giấy phép nhập khẩu hoặc Giấy nhận đăng ký lưu hành, tức là đã có các loại giấy xác nhận về kỹ thuật cho các sản phẩm liên quan.
- Thủ tục cấp, cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo:
 - Đề nghị rút ngắn thời gian cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo;
 - Quy định rõ tài liệu trong Hồ sơ xin cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo.
- Hiệu lực của Thông tư: cần quy định rõ các văn bản nào sẽ hết hiệu lực khi Thông tư này được ban hành và phát sinh hiệu lực.

NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Trong lĩnh vực của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, từ tháng 7 đến nay có khá nhiều văn bản liên quan đến hầu hết các lĩnh vực Bộ quản lý được soạn thảo. Các ý kiến của VCCI đối với mỗi lĩnh vực như sau:

- **Công ty nông, lâm nghiệp**¹⁸:
 - Cần ghi nhận nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân là một trong những nguyên tắc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;
 - Rà soát hình thức chuyển đổi và chỉ nên duy trì hai loại doanh nghiệp: loại công ty TNHH nhà nước nắm giữ 100% vốn và loại hình công ty cổ phần không bắt buộc nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, nếu có duy trì hình thức công ty cổ phần nhà nước nắm vốn chi phối thì cũng rất hạn chế;
 - Bổ sung các quy định cụ thể hơn về cơ chế tham gia, liên kết của các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

- **An toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu**¹⁹:

- Bỏ quy định chỉ có những hàng hóa nhập khẩu xuất phát từ những nước đã đăng ký với Việt Nam mới được phép nhập khẩu. Trong trường hợp vẫn giữ quy định về Danh mục nước xuất khẩu có đăng ký thì chỉ nên xem đó là một cơ chế ưu tiên, hàng hóa xuất phát từ nước đã đăng ký sẽ áp dụng phương thức kiểm tra thông thường, còn đến từ những nước chưa đăng ký thì sẽ áp dụng phương thức kiểm tra chặt;
- Thời hạn lấy mẫu, gửi mẫu, kiểm nghiệm và trả lời kết quả: Đề nghị quy định về thời hạn từ lúc hàng đến cảng tới khi lấy mẫu. Đối với nhóm hàng hóa dễ bị hư hỏng, các thời hạn ngắn bằng một phần ba hoặc một nửa so với thời hạn thông thường;
- Rà soát và điều chỉnh lại một số quy định để đảm bảo tính minh bạch, như:
 - Quy định một số khái niệm có thể định lượng được, “vi phạm nghiêm trọng”, “ảnh hưởng xấu đến sức khỏe”;
 - Trình tự thủ tục đăng ký của nước xuất khẩu: cần quy định rõ về thời hạn giải quyết thủ tục, tiêu chí để xét duyệt hồ sơ (bình luận này được xem xét dưới góc độ tính minh bạch không làm thay đổi về đề xuất về bỏ danh mục các nước được phép xuất khẩu vào Việt Nam).
- Lưu giữ hàng hóa trước khi thông quan: Đề nghị quy định việc bắt buộc phải lưu giữ hàng hóa tại cửa khẩu, nơi tập kết hoặc kho bảo quản trong thời gian chờ đợi kết quả phân tích cho tất cả các trường hợp và có biện pháp phối với cơ quan để đảm bảo rằng các trường hợp này không được phép thông quan trước khi có kết quả kiểm tra (hoặc trước khi hết thời hạn kiểm tra mà cơ quan có thẩm quyền không phát hành được kết quả kiểm tra).

¹⁸ Dự thảo Nghị định về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

¹⁹ Dự thảo Thông tư hướng dẫn việc kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu



■ Quản lý phân bón²⁰:

- Bỏ điều kiện về công suất sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón khác vì chưa phù hợp với tinh thần của Nghị định 202/2013/NĐ-CP về quản lý phân bón và việc dẫn chiếu tới Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia là điều kiện về quy mô mà doanh nghiệp phải đáp ứng là chưa hợp lý vì QCVN không bao gồm quy định về quy mô và công suất tối thiểu bắt buộc mà mọi doanh nghiệp phải đáp ứng nếu muốn thực hiện sản xuất phân bón mà chỉ là tiêu chuẩn cho từng loại sản phẩm;
- Để đơn giản hóa thủ tục, tài liệu hồ sơ, đề nghị bỏ Bản sao Quyết định thẩm quyền về phòng, chống cháy nổ do cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy có thẩm quyền cấp; Bản sao Văn bản phân định trách nhiệm công tác an toàn – vệ sinh lao động; Bản sao Kế hoạch an toàn – vệ sinh lao động, Bản sao kế hoạch an toàn – vệ sinh lao động trong Hồ sơ cấp Giấy phép sản xuất phân bón;
- Thủ tục cấp lại, điều chỉnh Giấy phép sản xuất phân bón hữu cơ, phân bón khác: Rút ngắn thời gian xem xét hồ sơ hợp lệ hay không; thời hạn để xem xét cấp lại hay không cấp bởi hồ sơ của thủ tục này rất đơn giản;
- Bỏ quy định “địa điểm kinh doanh, nơi bày bán phải đúng nơi đăng ký tại Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” vì trái quy định tại Luật doanh nghiệp;
- Bỏ quy định doanh nghiệp xuất khẩu phải xuất trình “Phiếu kết quả thử nghiệm chất

lượng lô phân bón xuất khẩu phù hợp với quy định của hợp đồng xuất khẩu do Phòng thử nghiệm phân bón được chỉ định cấp hoặc Phiếu kết quả thử nghiệm/Giấy chứng nhận do một tổ chức thử nghiệm hoặc tổ chức chứng nhận phân bón của nước ký kết Hiệp định/Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam cấp”;

- Giấy tờ, tài liệu để nhập khẩu phân bón hữu cơ, phân bón khác: Đề nghị quy định theo hướng Phiếu kết quả thử nghiệm/Giấy chứng nhận do một tổ chức thử nghiệm hoặc tổ chức chứng nhận phân bón được thành lập hợp pháp ở nước xuất khẩu.
- ### ■ Mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản²¹
- Điều chỉnh một số quy định sau để đảm bảo thống nhất với quy định của các văn bản khác có liên quan:
 - Xuất khẩu cây, gỗ và sản phẩm gỗ; củi, than làm từ gỗ hoặc củi có nguồn gốc từ gỗ rừng tự nhiên trong nước;
 - Các nghĩa vụ thông báo trong xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng;
 - Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi;
 - Xuất khẩu, nhập khẩu phân bón hữu cơ và phân bón khác.
 - Điều chỉnh một số quy định tại Dự thảo để đảm bảo rõ ràng, cụ thể, tạo cách hiểu thống nhất giữa các đối tượng áp dụng, như:
 - Quy định về tài liệu trong Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính;
 - Các “giấy phép con” thiếu về tiêu chí, trình tự thủ tục để được cấp;
 - Thiếu một số quy định về thời hạn thực hiện thủ tục hành chính.

²⁰ Dự thảo Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón

²¹ Dự thảo Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

■ **Thuốc bảo vệ thực vật²²:**

Thuốc bảo vệ thực vật là loại hàng hóa cần phải kiểm soát chặt chẽ vì việc sử dụng sản phẩm này có tác động đến sức khỏe, tính mạng con người cũng như ảnh hưởng đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên các biện pháp quản lý cần phải đảm bảo tính hợp lý, không cản trở đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp, mở rộng hơn là sự phát triển của cả ngành sản xuất này. Các kiến nghị của VCCI tập trung vào việc đề xuất loại bỏ các quy định không thống nhất với Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; bỏ các quy định thiếu hợp lý, quản lý quá mức cần thiết, chẳng hạn:

- Bỏ các quy định áp đặt về số lượng tối thiểu nhân lực đối với tổ chức thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; cơ sở sản xuất thuốc bảo vệ thực vật; quy định về số lượng tối thiểu trang thiết bị vật chất mà tổ chức khảo nghiệm thuốc bảo vệ phải đáp ứng; diện tích tối thiểu của cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật; nghĩa vụ báo cáo của các tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu;
- Bỏ một số quy định chưa hợp lý, chưa phù hợp với thực tế như:
 - “Chỉ được đăng ký 01 hàm lượng hoạt chất cho mỗi dạng thành phẩm của thuốc bảo vệ thực vật”;
 - Phải có giấy ủy quyền của nhà sản xuất đối với trường hợp ủy quyền đứng tên đăng ký mới được cấp Giấy phép khảo nghiệm để đăng ký chính thức;
 - “Thuốc bảo vệ thực vật là hỗn hợp của các hoạt chất hóa học với sinh học” không được phép đăng ký ở Việt Nam;
 - “Thuốc bảo vệ thực vật có cùng hoạt chất hoặc cùng thành phần hỗn hợp các hoạt chất với các thuốc trong Danh mục được ban hành trước khi Thông tư này có hiệu lực đã có 10 tên thương phẩm trở lên...” không được phép đăng ký ở Việt Nam;
 - “Mỗi Giấy phép khảo nghiệm được cấp tối đa 03 cây trồng, mỗi cây trồng không quá 03 đối tượng sinh vật gây hại”;
 - Yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với các loại giấy chứng nhận nước ngoài.

- Quy định rõ về điều kiện, trình tự của một số thủ tục như:
 - Xác nhận của Chủ tịch UBND cấp huyện về phù hợp với quy hoạch;
 - Thời hạn Đoàn đánh giá thực hiện đánh giá tại doanh nghiệp.

NGÂN HÀNG

■ **Phí dịch vụ tiền mặt²³:**

- Bỏ quy định về việc cho phép ấn định mức phí nộp tiền mặt bởi vì đi ngược lại mục tiêu hạn chế giao dịch tiền mặt trên thị trường và chưa có giải trình hợp lý về mức phí mới này;
- Bỏ quy định tổ chức tín dụng có nghĩa vụ gửi biểu phí dịch vụ tiền mặt cho Ngân hàng Nhà nước vì trái với quy định của Nghị định 222/2013/NĐ-CP.

■ **Thanh toán bằng tiền mặt của các tổ chức sử dụng vốn nhà nước:**

- Xem xét bỏ quy định nguồn vốn được cho là vốn đầu tư của Nhà nước là “Nguồn Quỹ Đầu tư phát triển tại doanh nghiệp”, “công ty liên kết với doanh nghiệp sử dụng vốn nhà nước”;
- Xem xét bỏ quy định tổ chức tín dụng có trách nhiệm “theo dõi và triển khai thực hiện việc rút tiền mặt từ tài khoản thanh toán của tổ chức sử dụng vốn nhà nước mở tại ngân hàng của mình”.

■ **Xử lý việc sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng²⁴:**

- Trách nhiệm của các tổ chức tín dụng (TCTD) trong việc xử lý việc sở hữu cổ phần vượt quá giới hạn:
 - Đề nghị quy định nghĩa vụ lập Kế hoạch

²² Dự thảo Thông tư về quản lý thuốc bảo vệ thực vật

²³ Dự thảo Thông tư quy định phí dịch vụ tiền mặt và Dự thảo Thông tư quy định thanh toán bằng tiền mặt của các tổ chức sử dụng vốn nhà nước



xử lý việc sở hữu cổ phần vượt giới hạn cho cả các TCTD và các cổ đông, và từng chủ thể sẽ phải cam kết về các biện pháp xử lý có liên quan đến mình;

— Đề nghị chỉ quy định nghĩa vụ báo cáo định kỳ về danh sách cổ đông của các TCTD không phải là công ty đại chúng.

- Quy định cụ thể hơn về việc xác định giá cổ phiếu trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước;
- Xem xét quy định thời điểm bắt đầu áp dụng các biện pháp cưỡng chế cho phù hợp, tức là đến hết thời hạn cam kết trong Kế hoạch của các cổ đông và TCTD;
- Đối với những trường hợp sở hữu cổ phần vượt giới hạn phát sinh sau ngày Luật có hiệu lực, nhưng trước ngày Thông tư này (hoặc Nghị định xử lý vi phạm hành chính đang soạn thảo) có hiệu lực thì áp dụng thời hạn xử lý đến ngày 31/03/2015;
- Đối với những trường hợp sở hữu cổ phần vượt giới hạn phát sinh sau ngày Thông tư này (hoặc Nghị định xử lý vi phạm hành chính) có hiệu lực thì thời hạn xử lý số cổ phần vượt giới hạn sẽ được quy định luôn trong Quyết định xử lý vi phạm hành chính (với tư cách một biện pháp khắc phục hậu quả trong Luật xử lý vi phạm hành chính).

MÔI TRƯỜNG

Thời gian qua, Bộ Tài nguyên và môi trường có soạn thảo các văn bản trong lĩnh vực mình quản lý là Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật bảo vệ môi trường, Nghị định về đo đạc và bản đồ, các ý kiến của VCCI cụ thể:

■ Hướng dẫn chi tiết Luật bảo vệ môi trường²⁵:

- Đề nghị không quy định về vấn đề bảo vệ môi trường đối với nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng tại Nghị định này, mà chuyển toàn bộ các quy định đó sang Nghị định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng mà Bộ Giao thông vận tải đang xây dựng. Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Giao thông vận tải để đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường tại Nghị định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về môi trường;
- Đề nghị chuyển toàn bộ các quy định về xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng sang Nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Toàn bộ chương III của Dự thảo (đặc biệt là Điều 12) hiện đang quy định nghĩa vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường đất cho “các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”. Tuy nhiên, VCCI cho rằng quy định như vậy là chưa hợp lý, bởi có rất nhiều trường hợp người sử dụng đất không phải là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhưng vẫn có nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường. Ví dụ, một kho xăng dầu, hóa chất của Bộ Quốc phòng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất rất cao, nhưng đây lại không phải là một “cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”;
- Hơn nữa, Dự thảo quy định nghĩa vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường đất cho mọi cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ. Điều này là

²⁴ Dự thảo Thông tư hướng dẫn xử lý việc sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng vượt giới hạn quy định tại Luật các tổ chức tín dụng

²⁵ Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường

bất hợp lý và không cần thiết, bởi có nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

Do đó, các quy định tại chương III cần điều chỉnh lại để xác định chính xác chủ thể có nghĩa vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường đất.

- Cần xác định rõ các trường hợp chuyên mục đích sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường đất (có thể quy định trong phụ lục);
- Đề nghị, thay thời điểm giao đất, cho thuê đất thành thời điểm thu hồi đất nhằm quy trách nhiệm cho người sử dụng đất trước đó;
- Về hệ thống quản lý môi trường (HQM):
 - Trong giai đoạn hiện nay, chưa nên áp dụng HQM đại trà mà chỉ nên làm thí điểm ở phạm vi khoảng 50 cơ sở phát sinh chất thải trọng điểm. Việc mở rộng phạm vi doanh nghiệp phải thực hiện HQM sẽ được thực hiện sau khoảng 3-5 năm tới bằng việc sửa đổi Nghị định này;
 - Trong thời gian thí điểm, có thể áp dụng cơ chế Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra và xác nhận HQM cho doanh nghiệp, đồng thời xây dựng quy chế và tiêu chuẩn nghề nghiệp. Sau giai đoạn thí điểm nên cho phép xã hội hóa việc kiểm tra HQM thông qua các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ độc lập;
 - Ngoài các quy định về nội dung HQM tại Điều 30, cần bổ sung thêm các tiêu chí để xác định một HQM là đạt hay không đạt;
 - Đối với những cơ sở đã có giấy chứng nhận ISO 14000 thì sẽ được miễn việc lập và xác nhận HQM.
- Bảo hiểm thiệt hại về môi trường: đề nghị cho phép doanh nghiệp sử dụng phương án trích lập dự phòng rủi ro thay cho việc phải mua bảo hiểm bắt buộc.

■ Đo đạc và bản đồ²⁶:

VCCI cho rằng Hoạt động đo đạc và bản đồ là hoạt động kỹ thuật, kinh tế quan trọng, phát triển nhanh cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, nhu cầu kinh tế và yêu cầu an ninh quốc phòng. Việc xây dựng một văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý cao, tạo khung khổ pháp lý cơ bản để điều chỉnh tổng thể và thống nhất hoạt động này là rất cần thiết.

Vì vậy, về mặt hình thức, lý tưởng nhất có lẽ là cần xây dựng một luật riêng về đo đạc và bản đồ. Bối cảnh hiện nay cùng với các kết quả và bài học kinh nghiệm (cả tích cực lẫn hạn chế) trong quá trình thực thi Nghị định 12/2002/NĐ-CP có lẽ đã đủ chín muồi để chúng ta hoàn thiện, cập nhật, nâng cấp các quy định hiện đang đặt tại Nghị định hiện tại thành một luật về vấn đề này.

Về mặt nội dung, một văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất về lĩnh vực đo đạc và bản đồ trong bối cảnh hiện tại cần đáp ứng ít nhất các yêu cầu sau:

- Phân biệt rõ các hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện trong khuôn khổ hành chính, quản lý nhà nước (phục vụ mục tiêu quản lý) và các hoạt động đo đạc và bản đồ kinh tế - dân sự (phục vụ mục tiêu kinh doanh, tiêu dùng);
- Có cơ chế quản lý riêng (cả về việc đầu tư, thực hiện cũng như sử dụng các kết quả đo đạc và bản đồ) cho mỗi nhóm hoạt động đo đạc và bản đồ phù hợp vào tính chất và mức độ quản lý cần thiết của mỗi nhóm (nhóm kinh doanh phải quản lý khác, nhóm Nhà nước phải quản lý khác);
- Các quy định cần được thiết kế rõ ràng, minh bạch, khả thi, đảm bảo các yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, không cản trở bất hợp lý các quyền tự do kinh doanh và phù hợp với các văn bản pháp luật khác liên quan (ví dụ Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư...).

Trên cơ sở các nguyên tắc trên, đề nghị rà soát toàn bộ Dự thảo để đảm bảo các yêu cầu trên²⁷.

²⁶ Dự thảo Nghị định quy định về đo đạc và bản đồ

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bộ Thông tin và Truyền thông đang soạn thảo Dự thảo Nghị định về dịch vụ công nghệ thông tin, trong đó có áp đặt khá nhiều điều kiện kinh doanh, giấy phép cũng như nhiều thủ tục hành chính đối với hoạt động kinh doanh về dịch vụ công nghệ thông tin. Đây là những biện pháp quản lý chặt chẽ, quá mức cần thiết, cản trở một cách bất hợp lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, một số quy định tại Dự thảo thiếu tính khả thi và chưa phù hợp với thực tế. VCCI đã có nhiều kiến nghị theo hướng loại bỏ các điều kiện kinh doanh giấy phép bất hợp lý, loại bỏ các thủ tục hành chính gây phiền phức cho doanh nghiệp trong khi mục tiêu quản lý lại ít đạt được, các yếu tố minh bạch trong quy định, cụ thể như sau²⁸:

- Cần giải trình rõ các lý do cần kiểm soát bằng giấy phép đối với dịch vụ làm mới các sản phẩm phần cứng quy mô công nghiệp. Nếu không thể giải trình thì đề nghị bỏ Giấy phép này. Nếu giải trình được đầy đủ lý do cần thiết phải kiểm soát hoạt động này bằng Giấy phép thì cần điều chỉnh lại các quy định để giải quyết các bất cập về:
 - Các điều kiện cấp phép còn chung chung, chưa làm nổi bật được mục tiêu quản lý đối với hoạt động này;
 - Trình tự thủ tục cấp phép chưa đảm bảo rõ ràng, thiếu minh bạch.
- Bỏ quy định về chứng chỉ hành nghề đối với các dịch vụ tư vấn dịch vụ công nghệ thông tin bởi việc áp đặt điều kiện về chứng chỉ đối với hoạt động này là không cần thiết;
- Trong trường hợp giải trình được việc cấp chứng chỉ hành nghề thì cần phải làm rõ về:
 - Điều kiện cấp chứng chỉ;
 - Công nhận chứng chỉ được cấp ở nước ngoài;
 - Đơn giản hóa thủ tục cấp chứng chỉ theo hướng hoặc là Bộ cấp hoặc là Hiệp hội cấp.
- Bỏ thủ tục đăng ký đối với các loại dịch vụ công nghệ thông tin bởi thủ tục này ít ý nghĩa về mặt quản lý và gây phiền phức về thủ tục cho doanh nghiệp;

- Bỏ thủ tục cấp mã số quản lý sản phẩm đặc thù bởi không rõ về mục tiêu quản lý và thiếu tính khả thi cũng như không phù hợp với thực tế;
- Bỏ thủ tục đăng ký dịch vụ trung tâm dữ liệu, trong trường hợp có giải trình hợp lý về việc giữ loại thủ tục này thì cần gọi tên chính xác thủ tục này là Giấy phép chứ không phải là Bản xác nhận và điều chỉnh lại các quy định về điều kiện, thủ tục cấp phép;
- Quy định rõ ràng đối với một số biện pháp quản lý đối với dịch vụ công nghệ thông tin xuyên biên giới như:
 - Như thế nào được cho là “số lượng lớn”, “có số lượng lớn truy cập từ Việt Nam”;
 - Trình tự thủ tục mà các nhà cung cấp dịch vụ xuyên biên giới thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông về các thông tin như tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc...

CÁC LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP

Bộ Tư pháp trong 4 tháng vừa qua có soạn thảo 2 văn bản về hướng dẫn Luật phá sản về quản tài viên và đề án liên thông các thủ tục công chứng, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế. Các quy định chủ yếu quy định về các thủ tục hành chính, theo hướng đơn giản, thuận tiện. Chính vì vậy, các góp ý, đề xuất của VCCI tập trung vào tính minh bạch trong các quy định, cụ thể:

- **Quản tài viên²⁹:**
 - Bỏ thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân;
 - Bỏ quy định cấm quản tài viên “làm việc cho từ hai doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trở lên trong cùng một thời gian hoặc vừa hành nghề với tư cách cá nhân vừa hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản” (điểm d khoản 1

²⁷ Các góp ý cụ thể thể hiện trong văn bản góp ý chi tiết về Dự thảo này.

²⁸ Dự thảo Nghị định về dịch vụ công nghệ thông tin

²⁹ Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

Điều 3) (bởi quy định này cũng không có ý nghĩa gì về mặt quản lý chuyên môn hay tính độc lập của Quản tài viên);

- Rút ngắn thời gian cấp mới, cấp lại chứng chỉ hành nghề quản tài viên;
- Quy định về thời hạn tạm đình chỉ hành nghề đối với quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;
- Cần quy định về điều khoản chuyển tiếp ngay tại Nghị định để đảm bảo có thể thi hành được ngay khi ban hành;
- Về thu hồi Chứng chỉ hành nghề quản tài viên: cần thiết kể theo hướng các đề nghị thu hồi Chứng chỉ hành nghề, Bộ Tư pháp phải có trách nhiệm xác minh và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp, đồng thời có chế tài đối với những đối tượng đề nghị không chính xác, với mục đích không tốt;
- Chi phí quản tài viên, doanh nghiệp quản lý thanh lý tài sản: Cần quy định phương pháp tính chi phí bám sát thị trường hơn (ví dụ: theo % giá trị tài sản) cho vấn đề chi phí/thủ lao Quản tài viên.

■ **Liên thông các thủ tục công chứng, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế³⁰:**

VCCI đánh giá cao tinh thần của Đề án và các quy định tại Dự thảo Thông tư trong việc tinh giản các loại hồ sơ tài liệu; phối hợp giữa các tổ chức, cơ quan có liên quan trong việc thực hiện thủ tục; rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp và xã hội. Tuy nhiên, để các quy định tại Thông tư “thực sự đi vào cuộc sống”, thể hiện được tính chất đơn giản hóa thủ tục hành chính, VCCI đề xuất các ý kiến góp ý sau:

- Trong quy trình giải quyết tại văn phòng đăng ký đất đai: kết quả sẽ được trả về tổ chức hành nghề công chứng;
- Trong quy trình giải quyết tại cơ quan thuế: kết quả sẽ được trả về văn phòng đăng ký

đất đai và đây là một trong những kết quả mà văn phòng đăng ký đất đai gửi trả lại cho tổ chức hành nghề công chứng;

- Trong giai đoạn giải quyết tại cơ quan thu tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính: cần thiết kể theo hướng ủy quyền cho văn phòng đăng ký đất đai thu tiền và khi nhận được tiền nộp từ các đối tượng thì văn phòng đăng ký sẽ lập tức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để tránh trường hợp các bên phải sang cơ quan khác và phải quay trở lại văn phòng đăng ký đất đai để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Đề xuất điều chỉnh một số quy định để đảm bảo tính thống nhất với các văn bản pháp luật khác cùng điều chỉnh như: quy định thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức trong việc xử phạt vi phạm pháp luật về thuế là “Kho bạc Nhà nước cấp huyện”; “Văn phòng đăng ký đất đai”; “Ngân hàng Thương mại” là chưa thống nhất với Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013; thời hạn giải quyết thủ tục tại văn phòng đăng ký đất đai đối với thủ tục thế chấp, đăng ký thay đổi thế chấp, đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai và thủ tục đăng ký thay đổi thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai trong “tối đa 03 ngày làm việc” là chưa thống nhất với quy định tại Thông tư liên tịch 20/2011/TTLT-BTP-BTNMT;
- Điều chỉnh một số quy định để đảm bảo tính minh bạch như: nêu cụ thể giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản là những giấy tờ gì; quy định quy trình giải quyết đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai (không phải là nhà ở).

³⁰ Dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục: Công chứng, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế

MỘT SỐ LĨNH VỰC KHÁC

■ Văn bản hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về đặt tên doanh nghiệp³¹:

VCCI có ý kiến đối với một số nội dung sau:

- Về sử dụng tên danh nhân để đặt tên doanh nghiệp: Đề nghị liệt kê tên 15 danh nhân là anh hùng dân tộc thuộc diện cấm đặt tên doanh nghiệp để đảm bảo thuận lợi trong quá trình áp dụng;
- Về tên doanh nghiệp vi phạm văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc: Đề xuất chỉ nên cấm đặt tên nếu tên đó: mang ý nghĩa dung tục, khiêu dâm, bạo lực quá mức, tội ác, tệ nạn xã hội; thể hiện hoặc ám chỉ sự đe dọa, xúc phạm, phi báng, lăng mạ, bôi nhọ, khiếm nhã đối với cá nhân, tổ chức khác; thể hiện hoặc ám chỉ sự phân biệt, kỳ thị vùng miền, dân tộc, tôn giáo, chủng tộc. Và Ban soạn thảo cần rà soát toàn bộ Dự thảo để đảm bảo quy định cấm đặt tên phù hợp với các mục tiêu trên.

■ Nhận định tình hình tham nhũng³²:

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã xác định phòng chống tham nhũng (PCTN) là công tác quan trọng. Cho tới nay, công tác PCTN đã được đã được triển khai khá đồng bộ trên các mặt; tuy nhiên, công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng vẫn còn hạn chế khi tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp, chưa có dấu hiệu giảm.

VCCI cho rằng hiệu quả của công tác PCTN sẽ gia tăng nếu có hệ thống các chỉ tiêu giám sát đánh giá khách quan phù hợp. Hệ thống các chỉ tiêu này nếu xây dựng được sẽ giúp bổ sung thông tin cho hệ thống dữ liệu chung về phòng, chống tham nhũng mà Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm xây dựng, quản lý, đồng thời góp phần phản ánh kịp thời thực trạng công tác PCTN, từ đó giúp các cơ quan chức năng có thể xác định những khâu, lĩnh vực cần cải thiện trong thời gian tới. Đồng thời, những thông tin,

dữ liệu thu thập được theo hệ thống chỉ tiêu này cũng cần được công bố công khai, minh bạch kịp thời nhằm bảo đảm tăng cường lòng tin của người dân và doanh nghiệp về những nỗ lực PCTN của các cơ quan nhà nước tại Việt Nam. Do đó, VCCI đề xuất:

- Cần xác lập hệ thống chỉ tiêu rõ ràng, với các biểu mẫu chi tiết tại phần phụ lục, để phục vụ việc báo cáo các thông tin cần thu thập liên quan tới các chỉ tiêu đã xác định;
- Để phản ánh đầy đủ hơn thiệt hại của tham nhũng không chỉ với ngân sách nhà nước mà còn với chính các doanh nghiệp và nền kinh tế, thuận lợi hơn trong điều tra doanh nghiệp, nên điều chỉnh là “so với tổng số doanh thu của doanh nghiệp”;
- Cần mở rộng tham vấn ý kiến của cá nhân, tổ chức có trách nhiệm giám sát đối với hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Cần thăm dò ý kiến người dân, doanh nghiệp đối với hiệu quả hoạt động của các cơ quan thực hiện công tác PCTN.

■ Ngoài ra VCCI có chuyển đến cơ quan chủ trì soạn thảo các ý kiến của doanh nghiệp đối với các Tiêu chuẩn kỹ thuật kỹ thuật quốc gia như:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sửa đổi về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên, nước thải công nghiệp dệt nhuộm, nước thải công nghiệp sản xuất giấy và bột giấy, chất lượng mặt, chất lượng nước ngầm và chất lượng nước biển;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường ống dẫn hơi và nước nóng nhà máy điện;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bom phun thuốc trừ sâu.

³¹ Dự thảo Thông tư hướng dẫn đặt tên doanh nghiệp

³² Dự thảo Thông tư quy định tiêu chí nhận định tình hình tham nhũng và nội dung đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

Các Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đang lấy ý kiến

STT	Loại văn bản	Tên văn bản	Cơ quan soạn thảo	Hạn góp ý
1	Thông tư	Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh thương mại cá tra	Bộ Tài chính	16/12/2014
2	Nghị định	Nghị định về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh	Bộ Tài chính	18/12/2014
3	Thông tư	Thông tư quy định việc nhập khẩu trang thiết bị y tế	Bộ Y tế	24/12/2014
4	Thông tư	Thông tư liên tịch hướng dẫn cơ chế phối hợp và xử lý trong việc kiểm tra, phát hiện chất phóng xạ tại các cửa khẩu	Bộ Tài chính	24/12/2014
5	Thông tư	Thông tư hướng dẫn nội dung về thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, hóa đơn, thuế tài nguyên và quản lý thuế theo Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ...tháng 12 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật số .../2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế	Bộ Tài chính	26/12/2014

Tham gia soạn thảo

- Luật doanh nghiệp (sửa đổi)
- Luật đầu tư (sửa đổi)
- Bộ luật dân sự (sửa đổi)
- Luật thi hành án dân sự (sửa đổi)
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
- Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi)
- Luật phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia
- Luật ban hành quyết định hành chính
- Pháp lệnh đào tạo một số chức danh tư pháp
- Nghị định về hòa giải thương mại

Tham gia thẩm định

- Bộ luật dân sự (sửa đổi)
- Luật sửa đổi một số luật về thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, giá trị gia tăng, thuế tài nguyên, thuế môn bài và quản lý thuế)
- Nghị định thay thế Nghị định 05/2006/NĐ-CP ngày 9/1/2006 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng cạnh tranh
- Nghị định quản lý sử dụng đất trồng lúa
- Nghị định quy định về khung giá đất
- Các Nghị định hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường: (1) Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, (2) Nghị định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, (3) Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu
- Nghị định về kinh doanh casino
- Nghị định về niên hạn sử dụng của phương tiện được phép nhập khẩu đối với phương tiện giao thông thủy nội địa
- Nghị định quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan
- Nghị định về hợp tác phòng chống buôn lậu trong hoạt động hải quan
- Nghị định về công nghiệp hỗ trợ
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách ưu tiên, khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng

Các sự kiện xây dựng pháp luật mà VCCI đã tổ chức/ phối hợp tổ chức

- Hội thảo “Vai trò của doanh nghiệp trong luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật” (Hà Nội 13/8/2014, Đà Nẵng 19/8/2014, Tp. Hồ Chí Minh 20/8/2014)
- Hội thảo “Chính sách hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong quá trình Việt Nam tham gia đàm phán, thực thi các hiệp định thương mại tự do” (Đà Nẵng, 19/9/2014)
- Hội thảo góp ý Dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường: (Hà Nội, 26/9/2014) (1) Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, (2) Nghị định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, (3) Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu
- Hội thảo góp ý Dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) (Đà Nẵng 02/10/2014, Cần Thơ 15/10/2014)
- Hội thảo góp ý Dự thảo Luật doanh nghiệp (sửa đổi) và Luật đầu tư (sửa đổi) (Hà Nội, 07/10/2014)
- Hội thảo “Doanh nghiệp đóng góp hoàn thiện Chính sách đối với hoạt động in” (Tp. Hồ Chí Minh, 08/10/2014)
- Hội thảo góp ý Dự thảo Luật đầu tư (sửa đổi) (Tp. Hồ Chí Minh, 14/10/2014)
- Hội thảo “Kỹ năng sử dụng phương thức Hòa giải để giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và thương mại quốc tế” (Hà Nội, 16/10/2014)

Chức năng nhiệm vụ của VCCI trong tham vấn doanh nghiệp xây dựng pháp luật và các hiệp định mở cửa thương mại:

Nghị định 24/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Điều 27. Lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo (trích)

1. Trong quá trình soạn thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và của các cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi dự án, dự thảo đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để lấy ý kiến về nội dung của dự án, dự thảo.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giao đơn vị được phân công phụ trách lĩnh vực có liên quan đến nội dung dự án, dự thảo chủ trì, phối hợp với tổ chức pháp chế và các đơn vị khác chuẩn bị ý kiến tham gia.

Văn bản tham gia ý kiến phải được gửi cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự án, dự thảo.

Đối với những dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi tới Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến của các doanh nghiệp.

Trong thời hạn là 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phải tổ chức lấy ý kiến của các doanh nghiệp; tổng hợp ý kiến và gửi đến Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được phân công chủ trì soạn thảo.

Quyết định 06/2012/QĐ-TTg về tham vấn doanh nghiệp liên quan tới các hiệp định mở cửa thương mại

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm đầu mối tập hợp ý kiến doanh nghiệp của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn đàm phán

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được làm đầu mối tập hợp và phản ánh ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp. Khi thực thi vai trò đầu mối, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có quyền hạn và trách nhiệm sau:

1. Phổ biến các tài liệu mà cơ quan chủ trì đàm phán đã cung cấp tới cộng đồng doanh nghiệp.

2. Tổ chức nghiên cứu, đề xuất nội dung, phương án đàm phán, bao gồm cả các yêu cầu cần phải đặt ra cho đối tác đàm phán, hướng dẫn các doanh nghiệp xem xét, lưu ý các vấn đề quan trọng trong đàm phán để giúp doanh nghiệp tham gia ý kiến hiệu quả hơn cho cơ quan chủ trì đàm phán.

3. Tổ chức các hoạt động phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp.

4. Đôn đốc, thu thập và tổng hợp phản hồi của doanh nghiệp và chuyển cho cơ quan chủ trì đàm phán.

 **Vibonline.com.vn**

Hướng tới một môi trường
kinh doanh minh bạch và thuận lợi

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam trên mạng www.vibonline.com.vn được phát triển và quản lý bởi **Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)** nhằm góp phần việc hình thành một môi trường pháp lý kinh doanh thuận lợi và minh bạch cho doanh nghiệp.



VCCI

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Ban Pháp chế

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

Điện thoại: 04 35770632, Fax: 04 35771459

Email: xdphapluat@vcci.com.vn

Website: www.vibonline.com.vn